



BÁO CÁO

Kết quả điều tra, khảo sát hỗ trợ xây dựng Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 179/2013/NĐ-CP tại các thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bắc Ninh

MÃ HOẠT ĐỘNG: INVEN-8 (PE2)
**“Hỗ trợ sửa đổi các quy định về hành vi vi phạm
các quy định bảo vệ môi trường”**

(Bản cuối)
Hà Nội, tháng 1 năm 2016

Thực hiện: GS.TS Phạm Ngọc Hồ, Trung tâm Quan trắc
và Mô hình hóa môi trường, Trường Đại học
Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà
Nội. Chuyên gia trong nước của Dự án
MUTRAP

*Tài liệu này được thực hiện với sự hỗ trợ của Liên Minh Châu Âu. Những quan điểm
nêu trong tài liệu này là của nhóm tác giả không phản ánh quan điểm chính thức của
Bộ Công Thương hay Liên minh Châu Âu.*

DANH MỤC

TÓM TẮT NỘI DUNG BÁO CÁO	3
I. PHẠM VI KHẢO SÁT	3
1. Người thực hiện khảo sát	3
2. Đối tượng khảo sát.....	3
3. Thời gian khảo sát.....	3
4. Nội dung làm việc.....	5
II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT.....	5
1. KẾT QUẢ KHẢO SÁT CỤ THỂ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ TỈNH BẮC NINH	5
1.1 Công ty TNHH Vina Wood.....	5
1.2. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Phú Hoàng Gia.....	7
1.3. Công ty Cổ phần sản xuất TMDV Ngọc Tùng	8
1.4. Công ty TNHH Thực phẩm Asuzac.....	10
1.5. Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.....	12
1.6. Công ty Cổ phần Hóc Môn	14
1.8. Công ty TNHH Khoa học Công nghệ môi trường Quốc Việt.....	17
1.9. Công ty Dầu khí Premier Oil Việt Nam.....	21
1.10. Công ty TNHH Cảng Phước Long.....	23
1.12. Công ty Cổ phần Khai Sơn	25
1.14. Công ty Cổ phần Hanacans	31
1.16. Công ty Cổ phần cáp điện Hanaka - Korea.....	36
1.18. Công ty TNHH Sơn tĩnh điện Bình Nam.....	40
1.20. Công ty TNHH Bao bì Hà Anh Bắc Ninh	45
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	47

TÓM TẮT NỘI DUNG BÁO CÁO

Với mục tiêu tiếp cận các đối tượng chịu điều chỉnh chính của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, GS.TS Phạm Ngọc Hồ đã nghiên cứu và làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh Bắc Ninh và thành phố Hồ Chí Minh để lựa chọn các đối tượng tiến hành khảo sát chi tiết việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, việc quản lý thực tế chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, tìm ra các vi phạm, tồn tại của các cơ sở để từ đó có cơ sở kiến nghị sửa đổi các hành vi vi phạm và khung hình phạt cho phù hợp với thực tế. Chi tiết nội dung khảo sát như sau:

I. PHẠM VI KHẢO SÁT

1. Người thực hiện khảo sát:

GS.TS Phạm Ngọc Hồ, Trung tâm Quan trắc và Mô hình hóa môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội. Chuyên gia trong nước của Dự án MUTRAP.

2. Đối tượng khảo sát:

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bắc Ninh.

3. Thời gian khảo sát:

- Tại Bắc Ninh và Hà Nội: từ ngày 21/12/2015 đến ngày 29/12/2015;

- Tại thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 17/01/2016 đến ngày 27/01/2016.

STT	Địa điểm làm việc	Địa chỉ	Tỉnh	Thời gian
1.	Công ty TNHH Hóa chất Hanjin Việt Nam	Khu công nghiệp Đại Đồng, Hoàn Sơn, Tiên Du	Bắc Ninh	Ngày 21/12/2015
2.	Công ty Cổ phần Khai Sơn	Khu công nghiệp (KCN) Thuận Thành III, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành	Bắc Ninh	Ngày 22/12/2015
3.	Công ty Cổ phần Hanacans	KCN Hanaka, huyện Từ Sơn	Bắc Ninh	Sáng 23/12/2015
	Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Sơn Linh	Khu công nghiệp (KCN) Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Tri Phương, huyện Tiên Du	Bắc Ninh	Chiều 23/12/2015
4.	Công ty Cổ phần cáp điện Hanaka - Korea	KCN Hanaka, huyện Từ Sơn	Bắc Ninh	Sáng 24/12/2015
	Công ty TNHH Flexcom Việt Nam	Cụm công nghiệp đa nghề Đông Thọ, huyện Yên Phong	Bắc Ninh	Chiều 24/12/2015
5.	Công ty TNHH Sơn tĩnh điện Bình Nam	Khu công nghiệp Thuận Thành III, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành	Bắc Ninh	Ngày 25/12/2015
6.	Công ty TNHH	Khu công nghiệp Thuận	Bắc	Ngày 28/12/2015

	Sungwoo Vina	Thành III, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành	Ninh	
7.	Công ty TNHH Bao bì Hà Anh Bắc Ninh	Khu công nghiệp Thuận Thành III, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành	Bắc Ninh	Sáng 29/12/2015
	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Tùng Lâm	Số 25 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội	Hà Nội	Chiều 29/12/2015
8.	Di chuyển	Hà Nội – Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Ngày 17/01/2016
9.	Công ty TNHH VinaWood	Lô số 38-43, đường số 2 Khu công nghiệp Linh Trung II, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức	Hồ Chí Minh	Ngày 18/01/2016
10.	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Phú Hoàng Gia	Lô số 6, đường số 7 Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân	Hồ Chí Minh	Ngày 19/01/2016
11.	Công ty Cổ phần sản xuất TMDV Ngọc Tùng	Lô E, đường số 12 KCN Lê Minh Xuân, quận Bình Chánh	Hồ Chí Minh	Ngày 20/01/2016
12.	Công ty TNHH Thực phẩm Asuzac	Đường 10, KCX Tân Thuận, quận 7	Hồ Chí Minh	Sáng 21/01/2016
	Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	Km9, xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức	Hồ Chí Minh	Chiều 21/01/2016
13.	Công ty Cổ phần Hóc Môn	Số 3/27 quốc lộ 22, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Sáng 22/01/2016
	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường và xử lý chất thải Hà Lan	214 Tạ Quang Bửu, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Chiều 22/01/2016
	Công ty TNHH Khoa học Công nghệ môi trường Quốc Việt	Số 41, KP. Tân Hồng Uy, Đường Số 34, Trần Nãi, P. Bình An, Q. 2, Tp. Hồ Chí Minh (TPHCM)	Hồ Chí Minh	Ngày 25/01/2016
14.	Công ty Dầu khí Premier Oil Việt Nam	Số 39 Lê Duẩn, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Sáng 26/01/2016
	Công ty TNHH Cảng Phước Long	Lầu 19 Gemadep Tower, số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến	Hồ Chí Minh	Chiều 26/01/2016

		Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	
15.	Di chuyển	Hồ Chí Minh – Hà Nội	Ngày 27/01/2016

4. Nội dung làm việc:

- Phòng vấn đại diện theo pháp luật của các doanh nghiệp được lựa chọn khảo sát.
- Phòng vấn cán bộ phụ trách môi trường của doanh nghiệp.
- Phòng vấn công nhân làm việc trực tiếp tại các vị trí phát sinh chất thải.
- Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp.
- Tình hình thực hiện các thủ tục hành chính về môi trường.
- Tình hình quản lý các loại chất thải phát sinh.
- Các hành vi vi phạm hành chính.

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT:

1. KẾT QUẢ KHẢO SÁT CỤ THỂ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ TỈNH BẮC NINH

1.1 Công ty TNHH Vina Wood

Công ty TNHH Vina Wood (sau đây viết tắt là Công ty), có địa chỉ tại lô số 38-43, đường số 2 Khu công nghiệp Linh Trung II, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số: 412043000244 cấp ngày 14 tháng 07 năm 2014 của Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh; hoạt động từ năm 2003 trên diện tích mặt bằng 32.371 m² với 530 cán bộ công nhân viên; hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm bằng gỗ với công suất hoạt động khoảng 6.048 m³ gỗ/năm, công suất thiết kế 6.652 m³ gỗ/năm; nguyên liệu là gỗ miêng; hóa chất sử dụng là sơn 8.000 kg/tháng, dung môi butylaxetat và etyaxetat 2.000 kg/tháng; nhiên liệu sử dụng gồm: Dầu DO, dầu FO, gas và điện; lượng nước sử dụng trung bình khoảng 40 m³/ngày.đêm được mua từ Nhà máy nước của Khu công nghiệp Linh Trung II.

Công ty đã có Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường cho Dự án “Nhà xưởng mở rộng sản xuất đồ gỗ trang trí nội thất” số 2018/2004/CNMT-KCN-HCM ngày 08 tháng 11 năm 2004 của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh; đã lập đề án bảo vệ môi trường cho Dự án “Xưởng sản xuất sản phẩm gỗ công suất 6.200 m³/năm” tại Giấy xác nhận số 679/GXN-BQL-KCN-CM-QLMT ngày 16 tháng 3 năm 2010; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.000269.T cấp ngày 02 tháng 01 năm 2008, cấp thay đổi lần 01 ngày 13 tháng 01 năm 2011; đã thực hiện báo cáo tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại định kỳ; đã thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ, tuy nhiên năm 2013, giám sát môi trường không khí xung quanh thiếu 03/04 vị trí, năm 2014 không giám sát nước thải quý I và II, không giám sát môi trường không khí xung quanh 06 tháng đầu năm 2014; đã sao gửi Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và xã theo quy định.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Về nước thải:* Trong quá trình sản xuất Công ty không phát sinh nước thải sản xuất. Nước thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt khoảng 32 m³/ngày.đêm được xử lý qua hệ thống bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Linh Trung II để xử lý.

- *Về khí và bụi thải:* Bụi phát sinh từ công đoạn xẻ gỗ, cưa, bào được thu gom bằng chụp hút vào hệ thống cyclon, từ công đoạn chà chám đánh bóng được thu gom

bằng các chụp hút vào hệ thống lọc bụi túi vải, toàn bộ bụi thu được được thu vào thùng chứa rồi ép lại bán cho đơn vị thu mua khác để làm nhiên liệu đốt.

- *Về chất thải rắn thông thường*: Phát sinh gồm: Rác thải sinh hoạt khoảng 31.200 kg/năm, rác công nghiệp 40.220 kg/năm, được thu gom và ký hợp đồng chuyển cho Công ty Sepzone Linh Trung vận chuyển, xử lý; gỗ vụn được thu gom rồi chuyển cho Công ty TNHH Đại Nhân Hòa thu gom, xử lý.

- *Về chất thải nguy hại (CTNH)*: Phát sinh thực tế gồm: Giẻ lau nhiễm hóa chất 3.300 kg/năm, phuy chứa hóa chất thải 15.963 kg/năm được Công ty thu gom và lưu giữ trong kho chứa, kho có biển báo, tuy nhiên chưa lưu giữ CTNH trong kho lưu giữ riêng, không có vách ngăn riêng cho từng loại, kho chưa đúng quy định; CTNH được Công ty ký hợp đồng chuyển cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Tân Kiên vận chuyển, xử lý. Qua kiểm tra hồ sơ, Công ty không lưu trữ đầy đủ chứng từ CTNH; lưu giữ bóng đèn huỳnh quang thải, dầu thải trong kho từ năm 2013 đến 06 tháng đầu năm 2014 nhưng không có báo cáo gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; hộp mực in thải, pin ắc quy thải, bộ lọc dầu đã qua sử dụng chưa được đăng ký vào Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

- *Kết quả đo đạc và phân tích mẫu môi trường*:

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước thải tại hố ga đầu nối với cống chung của KCN, so sánh với tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của khu chế xuất Linh Trung 2 cho thấy thông số: COD = 275 mg/l vượt 3,4 lần, BOD₅ = 114,2 mg/l vượt 2,3 lần, SS = 102 mg/l vượt 1,02 lần, Tổng nitơ = 102 mg/l vượt 3,4 lần, NH₄⁺-N = 13,8 mg/l vượt 1,4 lần, Coliform = 7500 Vi khuẩn/100ml vượt 1,5 lần. Các thông số phân tích khác đều đạt quy chuẩn cho phép

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu môi trường không khí xung quanh khu vực trung tâm nhà máy và khu vực cổng bảo vệ, so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT và 06:2009/BTNMT cho thấy các thông số phân tích đều đạt quy chuẩn cho phép.

- *Về tình hình thực hiện các hồ sơ thủ tục về môi trường*: Công ty đã có Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; đã lập đề án bảo vệ môi trường; đã có Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH; đã lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định; đã thực hiện giám sát môi trường định kỳ.

- *Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường*: Công ty đã có hệ thống xử lý khí thải; đã đầu nối nước thải vào khu công nghiệp Linh Trung II xử lý, đã thu gom và quản lý chất thải rắn đúng quy định

- *Các vi phạm và tồn tại*:

+ Không đăng ký cấp lại chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Nghị định số 179/2013/NĐ-CP);

+ Không thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường theo quy định, quy định tại Điểm d, khoản 2, Điều 8 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời CTNH không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, quy định tại Điểm d, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

Ngoài ra trong quá trình hoạt động, Công ty còn có một số các tồn tại như: chưa chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có Giấy phép quản lý chất thải nguy hại quá 12 tháng kể từ ngày phát sinh chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý, tiêu hủy theo quy định; chưa đăng ký, báo cáo theo quy định với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại quá 06 tháng kể từ ngày phát sinh chất thải

nguy hại; không cử đại diện có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tham gia buổi công bố quyết định thanh tra về bảo vệ môi trường.

1.2. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Phú Hoàng Gia

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Phú Hoàng Gia (sau đây viết tắt là Công ty), có địa chỉ tại Lô số 6, đường số 7 Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp: 4102030641 cấp lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2005, cấp thay đổi lần thứ 03 ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh; hoạt động từ năm 2005 trên diện tích mặt bằng 6.600 m² với 75 cán bộ công nhân viên; hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, dệt nhuộm vải với công suất hoạt động khoảng 40 tấn vải/tháng; nguyên liệu là vải thô; hóa chất sử dụng là thuốc nhuộm khoảng 300 kg/tháng, hóa chất cơ bản 600 kg/tháng; nhiên liệu sử dụng gồm: Dầu DO, dầu FO, gas, than đá, củi và điện; lượng nước sử dụng trung bình khoảng 130 m³/ngày.đêm được mua từ Nhà máy nước của Khu công nghiệp.

Công ty đã có Giấy chứng nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường cho Dự án “Nhà máy dệt nhuộm vải sợi các loại” số 2578/2005/CNMT-KCN-HCM ngày 17 tháng 11 năm 2005 của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.000351.T cấp ngày 18 tháng 03 năm 2008; đã thực hiện báo cáo tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại định kỳ; thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ, tuy nhiên, năm 2013 giám sát nước thải thiếu 02/04 lần, thiếu 03/04 lần giám sát khí thải lò hơi, năm 2014 thiếu giám sát 01/02 lần nước thải, khí thải thiếu 01/02 lần; đã sao gửi Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và xã theo quy định;

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Về nước thải*: Phát sinh khoảng 100 m³/ngày.đêm từ quá trình nhuộm, tẩy và nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom vào hệ thống xử lý công suất 150 m³/ngày.đêm, theo phương pháp sinh, hóa kết hợp, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Tân Tạo theo hợp đồng đầu nối.

- *Về khí và bụi thải*: Phát sinh từ hệ thống nồi nhiệt đốt dầu FO công suất 1,8 tấn/giờ và lò hơi đốt củi 6 tấn hơi/h. Hiện nồi nhiệt đốt dầu FO không hoạt động, lò hơi đốt củi đang hoạt động bình thường, khí thải phát sinh từ lò hơi đốt củi được thu gom bằng chụp hút rồi đưa qua hệ thống xử lý ướt, hấp thụ bằng than hoạt tính và dung dịch NaOH, sau đó thải ra môi trường qua ống khói cao khoảng 25m.

- *Về chất thải rắn thông thường*: Gồm giấy vụn, nilong, chất thải sinh hoạt...khoảng 360 kg/năm, vải thừa 600 kg/năm được thu gom và ký hợp đồng chuyển cho Công ty TNHH TMDV Công nghệ Kỹ thuật Môi trường Biển Xanh vận chuyển, xử lý.

- *Về chất thải nguy hại (CTNH)*: Thùng chứa hóa chất thải, bóng đèn huỳnh quang thải khoảng 18 kg/năm, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 160 kg/năm, dầu nhớt thải khoảng 90 kg/năm, bồ hóng lò đốt dầu FO khoảng 90 kg/năm, giẻ lau dính dầu thải được thu gom, phân loại và lưu giữ trong kho chứa và ký hợp đồng chuyển cho Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ môi trường Á Châu vận chuyển cho Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh xử lý. Qua kiểm tra hồ sơ, Công ty chưa đăng ký giẻ lau dính dầu, hộp mực in

thải, than hoạt tính từ quá trình xử lý nước thải, khí thải và bụi lò đốt dầu FO vào Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH. Theo báo cáo của Công ty, giẻ lau dính dầu được đốt trong hệ thống nồi nhiệt đốt dầu FO, chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép; chuyên giao than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải, hộp mực in thải cho đơn vị không có đủ chức năng vận chuyển, xử lý.

Kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước thải tại hố ga sau HTXL đầu nối với cống chung của KCN, so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT cột B và tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Tân Tạo cho thấy thông số: Nhiệt độ = 51,5 °C vượt 1,1 lần, COD = 479 mg/l vượt 1,2 lần, BOD₅ = 172 mg/l vượt 1,7 lần, Tổng Nitơ = 66 mg/l vượt 1,1 lần, Coliform = 21000 Vi khuẩn/100ml vượt 4,2 lần. Các thông số phân tích còn lại đạt quy chuẩn cho phép. Kết quả đo đạc và phân tích mẫu khí thải ống khói lò hơi 6 tấn/h, so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT cột A với K_p = 1,0, K_v = 1,0 cho thấy thông số CO = 1230,7 mg/Nm³ vượt 1,2 lần. Các thông số phân tích khác đều đạt quy chuẩn cho phép.

- Về tình hình thực hiện các hồ sơ thủ tục về môi trường: Đã có Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; đã có Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH; thực hiện giám sát môi trường định kỳ.

- Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường: Công ty có hệ thống xử lý khí thải và hệ thống xử lý nước thải; đã đầu nối nước thải vào khu công nghiệp Tân Tạo xử lý, đã thu gom, quản lý chất thải rắn đúng quy định.

- Các vi phạm và tồn tại:

+ Không cử đại diện có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tham gia buổi công bố quyết định thanh tra về bảo vệ môi trường, quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 49 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Nghị định số 179/2013/NĐ-CP);

+ Không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không đăng ký cấp lại chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời CTNH không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, quy định tại Điểm d, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Chuyên giao, cho, bán dưới 120 kg chất thải nguy hại có chứa các thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có Giấy phép quản lý chất thải nguy hại, quy định tại Điểm a, Khoản 7 của Điều 21 Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Thải khí, bụi vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,5 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m³/giờ đến dưới 10.000 m³/giờ, quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 15 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

Ngoài ra trong quá trình hoạt động, Công ty còn có một số các tồn tại như: chưa thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường theo quy định; không thu gom triệt để chất thải nguy hại vào khu vực lưu giữ tạm thời theo quy định; tự xử lý chất thải nguy hại khi không có công trình xử lý phù hợp và không được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

1.3. Công ty Cổ phần sản xuất TMDV Ngọc Tùng

Công ty Cổ phần sản xuất TMDV Ngọc Tùng (sau đây viết tắt là Công ty) có địa chỉ tại 21-22-23 Lô E, đường số 12 KCN Lê Minh Xuân, quận Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301415086

cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh; số tài khoản: 5326109 tại Ngân hàng Á Châu-Chi nhánh Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh; hoạt động từ năm 1997 trên diện tích mặt bằng 2.471 m² với 91 cán bộ công nhân viên; hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, sang chai đóng gói thuốc bảo vệ thực vật gồm: thuốc trừ cỏ, thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ ốc... với công suất hoạt động/công suất thiết kế là 1400 tấn sản phẩm/năm; nguyên liệu, hóa chất sử dụng gồm: Abamectin, Acetochlor, alpha cyper, azoxy strobilin, butachlor...; nhiên liệu sử dụng gồm: Dầu DO dùng cho xe nâng và điện; lượng nước sử dụng trung bình khoảng 21 m³/ngày.đêm được mua từ Nhà máy nước của Khu công nghiệp.

Công ty đã có Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường cho dự án “Pha chế và đóng gói các loại thuốc bảo vệ thực vật dạng nước và dạng bột với công suất 1.440 tấn/năm” tại Giấy chứng nhận số 353/KHCNMT-MT ngày 11 tháng 02 năm 1999 của Sở Khoa học công nghệ và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh; đã có Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.000013.T cấp lần 03 ngày 22 tháng 7 năm 2014; đã thực hiện báo cáo tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại định kỳ; đã thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ tuy nhiên giám sát năm 2013 không giám sát quý I, II và III, giám sát quý IV môi trường không khí xung quanh thiếu 02 vị trí (khâu phối trộn đóng chai và khâu đóng gói bao bì thuốc bột), giám sát nước thải thiếu 01 vị trí tại cửa xả nước thải vào KCN Lê Minh Xuân, năm 2014 không giám sát quý I, quý II giám sát môi trường không khí xung quanh thiếu 02 vị trí (khâu phối trộn đóng chai và khâu đóng gói bao bì thuốc bột), giám sát nước thải thiếu 01 vị trí tại cửa xả nước thải vào KCN; đã sao gửi Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và xã theo quy định.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Về nước thải*: Phát sinh khoảng 16 m³/ngày.đêm trong đó từ quá trình sinh hoạt khoảng 10 m³/ngày.đêm, nước thải vệ sinh nhà xưởng, máy móc thiết bị, rửa bao bì, chai lọ nước rửa khí khoảng 6 m³/ngày.đêm được thu gom qua hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm để xử lý bằng phương pháp hóa lý sau đó được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Lê Minh Xuân để xử lý theo hợp đồng đầu nối.

- *Về khí và bụi thải*: Khí phát sinh trong quá trình nạp nguyên liệu, sang chiết, khuấy trộn, đóng gói sản phẩm... được thu gom qua hệ thống chụp hút, qua hệ thống thống hấp thụ bằng than hoạt tính và NaOH sau đó thải ra môi trường qua ống khói cao khoảng 10m.

- *Về chất thải rắn thông thường*: Gồm chất thải sinh hoạt 62 kg/năm, thùng giấy carton, thùng nhựa...khoảng 214 kg/năm được thu gom và ký hợp đồng chuyển cho Công ty TNHH TMDV Công nghệ Kỹ thuật Môi trường Biển Xanh vận chuyển, xử lý

- *Về chất thải nguy hại (CTNH)*: Phát sinh thực tế được thu gom, phân loại và lưu giữ trong kho chứa, có biển báo, cón nền cứng, có vách ngăn, có rãnh thu gom chất thải lỏng và ký hợp đồng chuyển cho Công ty TNHH SX-TM Ngọc Tân Kiên, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Tân Thiên Nhiên vận chuyển, xử lý. Qua rà soát hồ sơ, một số mã CTNH vượt so với đăng ký trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải mã số 16 01 06 là 87 kg/năm/24 kg/năm tăng 262,5%, bao bì cứng thải bằng nhựa mã số 18 01 01 là 16.910 kg/năm/1.600 kg/năm vượt 956,8%, bao bì cứng thải bằng kim loại mã số 18 01 02 là 14.616 kg/năm/700 kg/năm vượt 1988%, mặc dù Công ty mới được cấp lại sổ

đăng ký chủ nguồn thải CTNH tháng 7 năm 2014 nhưng số lượng CTNH phát sinh vẫn vượt quá 15% so với đăng ký và Công ty chưa bổ sung keo thải vào Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH

Kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước thải tại bể sau hệ thống xử lý và tại hố ga đầu nổi với công chung của KCN, so sánh với tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Hiệp Phước, các thông số phân tích đều đạt quy chuẩn cho phép. Kết quả đo đạc và phân tích mẫu khí thải tại ống khói lò hơi 5 tấn/h, so sánh với QCVN 21:2009 cột B với $K_p = 1,0$, $K_v = 1,0$, các thông số phân tích đều đạt quy chuẩn cho phép. Kết quả đo đạc và phân tích mẫu môi trường không khí xung quanh trước cổng bảo vệ, so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT cho thấy các thông số phân tích đều đạt quy chuẩn cho phép.

- Về tình hình thực hiện các hồ sơ thủ tục về môi trường: Căn cứ vào các hành vi vi phạm hành chính nêu trên, Đoàn Thanh tra sẽ tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường đối với Công ty theo đúng quy định của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP, cụ thể:

- Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường: Công ty đã có hệ thống xử lý khí thải và hệ thống xử lý nước thải; đã đầu nối nước thải vào khu công nghiệp Lê Minh Xuân để xử lý, đã thu gom, quản lý chất thải rắn đúng quy định.

- Các vi phạm và tồn tại:

+ Không cử đại diện có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tham gia buổi công bố quyết định thanh tra về bảo vệ môi trường, quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 49 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không đăng ký cấp lại chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

Ngoài ra trong quá trình hoạt động, Công ty còn thực hiện chưa đúng, đầy đủ chương trình quan trắc, giám sát môi trường theo quy định.

1.4. Công ty TNHH Thực phẩm Asuzac

Công ty TNHH Thực phẩm Asuzac (sau đây viết tắt là Công ty), có địa chỉ tại đường 10, KCX Tân Thuận, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 412043000152 cấp lần đầu ngày 16 tháng 5 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Ban quản lý khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh; hoạt động từ năm 1997 trên diện tích mặt bằng sản xuất 11.476 m² với 280 cán bộ công nhân viên; hoạt động trong lĩnh vực chế biến thực phẩm, sản phẩm là thực phẩm nông sản và hải sản sấy khô các loại; công suất thiết kế nông sản sấy khô là 400 tấn sản phẩm/năm, công suất hoạt động là 340 tấn sản phẩm/năm; công suất thiết kế hải sản sấy khô là 90 tấn sản phẩm/năm, công suất hoạt động là 20 tấn sản phẩm/năm; nguyên liệu sử dụng gồm: Tôm, cá, cua, đường glucose, dầu mè; hóa chất sử dụng gồm: Cồn, NaOH, clorin; nhiên liệu sử dụng gồm: Dầu FO 480.000 lít/năm, điện 25000 kw/tháng; lượng nước sử dụng trung bình khoảng 450 m³/ngày.đêm được mua từ Nhà máy nước của Khu chế xuất Tân Thuận.

Công ty đã lập Đề án bảo vệ môi trường đơn giản cho dự án “Xưởng chế biến thực phẩm công suất 490 tấn sản phẩm/năm” tại Giấy xác nhận số 1611/GXN-BQL ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh; đã có Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.000113.T cấp lần 02 ngày 02 tháng 4 năm 2014; chưa thực hiện báo cáo tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại định kỳ năm 2014; đã thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ; chưa sao gửi Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Về nước thải*: Phát sinh khoảng 350 m³/ngày.đêm từ quá trình sinh hoạt, công đoạn cắt rửa nguyên liệu các loại và vệ sinh máy móc thiết bị, nước thải được thu gom vào hệ thống xử lý bằng phương pháp hiếu khí và kỵ khí sau đó được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu chế xuất Tân Thuận để xử lý theo hợp đồng đầu nối.

- *Về khí và bụi thải*: Phát sinh từ 02 lò hơi đốt dầu FO công suất 4,8 tấn hơi/giờ và 1,8 tấn hơi/giờ, khí thải được xử lý bằng tháp hấp phụ đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột A trước khi thải ra ngoài môi trường bên ngoài. Ngoài ra, Công ty có lắp đặt các hệ thống thông gió trong nhà xưởng để lưu thông không khí.

- *Về chất thải rắn thông thường*: Gồm rác thải từ quá trình chế biến rau, củ 12.000 kg/tháng và rác thải sinh hoạt 2.600 kg/tháng được thu gom ký hợp đồng chuyên cho Hợp tác xã vận tải Công Nông vận chuyên, xử lý; bao bì thùng carton 3.000 kg/tháng và bao bì nylon 6.000 kg/tháng được thu gom bán cho đơn vị thu mua phế liệu; bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được ký hợp đồng chuyên cho Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị thành phố Hồ Chí Minh để vận chuyển, xử lý.

- *Về chất thải nguy hại (CTNH)*: Phát sinh thực tế gồm bóng đèn huỳnh quang thải 56 kg/năm, dầu động cơ thải 27 kg/năm, giẻ lau, bao tay dính dầu 32 kg/năm, bao bì dính hóa chất 120 kg/năm, hóa chất thải trong phòng thí nghiệm 84 kg/năm, bao bì mềm thải 69 kg/năm được thu gom lưu giữ trong kho chứa theo quy định và ký hợp đồng chuyên cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại xây dựng Hiệp Long vận chuyển cho Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam và Công ty TM&SX Ngọc Tân Kiên xử lý.

- *Kết quả đo đạc và phân tích mẫu môi trường*:

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước thải tại hố ga đầu nối với khu chế xuất (mẫu lấy ngày 11/9/2014) so sánh với tiêu chuẩn xả thải của khu chế xuất Tân Thuận, cho thấy các thông số phân tích đều đạt tiêu chuẩn cho phép.

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu khí thải tại lò hơi 4,8 tấn/h, so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT cột A với $K_p = 1,0$, $K_v = 1,0$ cho thấy thông số SO₂ = 1921,5 mg/Nm³ vượt 1,3 lần, các thông số phân tích khác đều đạt quy chuẩn cho phép.

- *Về tình hình thực hiện các hồ sơ thủ tục về môi trường*: Đã lập đề án bảo vệ môi trường đơn giản; đã có Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ 06 tháng đầu năm 2014.

- *Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường*: Công ty đã có hệ thống xử lý nước thải, khí thải; đã đầu nối nước thải vào khu chế xuất để xử lý, đã quản lý CTNH và chất thải rắn.

- *Các vi phạm và tồn tại*:

+ Không cử đại diện có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tham gia buổi công bố quyết định thanh tra về bảo vệ môi trường, quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 49 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không chuyển chứng từ chất thải nguy hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Thải khí, bụi vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,5 lần trường hợp lưu lượng khí thải từ 500 m³/giờ đến dưới 5.000 m³/giờ, quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 15 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

Ngoài ra trong quá trình hoạt động, Công ty còn có một số các tồn tại như: chưa lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định; chưa sao gửi Sổ đăng ký

chủ nguồn thải chất thải nguy hại cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm cơ sở phát sinh chất thải nguy hại.

1.5. Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức (viết tắt là Công ty), có địa chỉ tại km9, xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số: 4103008922 ngày 22 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 20 tháng 09 năm 2010 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động từ trước năm 1975 quốc hữu hóa từ Nhà máy cán thép Vikimco, đến năm 2008 cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần thép Thủ Đức, hoạt động trên diện tích 64.366 m² với khoảng 406 cán bộ công nhân viên.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thép, nguyên liệu là sắt thép phế 13.500 tấn/tháng, phôi thép 13.000 tấn/tháng là thép phế liệu nội địa được tồn trữ tại bãi phế liệu sau đó được vận chuyển qua kho chứa nguyên liệu bằng xe tải, nguyên liệu được làm sạch trước khi chứa vào thùng qua di chuyển vào xưởng luyện bằng đường ray. Tại xưởng này, sắt, thép phế liệu được nấu chảy bằng lò hồ quang 12 EAF sau đó chuyển qua lò tinh luyện để luyện tinh, thép lỏng trong thùng rót sẽ được cần trực chuyển lên máy đúc liên tục, tại đây thép lỏng được chuyển thành các thỏi thép vuông (100mm x 100mm và 120mm x 120mm) và ra chiều dài nhất định. Sau đó những thỏi thép này được phân loại, đánh giá chất lượng và sẽ chuyển trực tiếp vào lò nung của phân xưởng cán hay được đưa ra bãi chứa thành phẩm của Công ty.

Xưởng cán thép thanh vằn, trơn và thép phôi vuông với công suất hoạt động Xưởng cán thép thanh vằn, trơn theo công nghệ cán nóng: phôi thép qua công đoạn gia nhiệt tại lò điện trung tần, qua công đoạn cán, phân đoạn, bao gói; sản phẩm có đường kính 10 mm – 32 mm là 100 tấn/năm, xưởng luyện thép phôi vuông kích thước 100 mm x 100 mm và 120 mm x 120 mm là 100.000 tấn/năm; công suất thiết kế xưởng cán thép thanh vằn, trơn đường kính 10 mm – 32 mm là 150 tấn/năm, xưởng luyện thép phôi vuông kích thước 100 mm x 100 mm và 120 mm x 120 mm là 100.000 tấn/năm; nhiên liệu sử dụng là khí thiên nhiên hóa lỏng dùng nung phôi thép khoảng 460.000 m³/tháng, than điện cực để luyện thép khoảng 20 tấn/tháng được nhập khẩu từ nước ngoài và điện; 06 tháng đầu năm 2014, Công ty đã nhập 500 tấn phế liệu; lượng nước sử dụng khoảng 500 m³/ngày.đêm được mua từ nguồn nước máy và một phần được khai thác từ nguồn nước ngầm.

Công ty đã lập đề án bảo vệ môi trường cho dự án “Công ty cổ phần Thép Thủ Đức” và được phê duyệt tại Quyết định số 1154/QĐ-TNMT-QLMT ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh; đã có Giấy xác nhận hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt của “Công ty cổ phần Thép Thủ Đức” tại Giấy xác nhận số 8566/GXN-TNMT-QLMT ngày 16 tháng 12 năm 2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu tại Giấy chứng nhận số 6480/GCN-TNMT-CCBVMT ngày 01 tháng 10 năm 2013; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 79.001553.T cấp lần 02 ngày 26 tháng 03 năm 2013; không thực hiện báo cáo định kỳ tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại; không thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ theo quy định (không quan trắc, giám sát 06 tháng đầu năm 2014); đã sao gửi Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã; đã có Giấy phép khai thác nước dưới đất và đã kê khai; nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Về nước thải*: Do sử dụng cho mục đích giải nhiệt, một phần bị bốc hơi, phần còn lại được tuần hoàn nên không phát sinh nước thải sản xuất, không thải ra môi trường xung quanh. Nước thải của Công ty chủ yếu là nước thải sinh hoạt với lưu lượng trung bình khoảng 60 m^3 /ngày.đêm được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải 130 m^3 /ngày đêm để xử lý sinh học hiếu khí; nước thải sau xử lý đạt QCVN 24:2009 cột B sau đó thải vào kênh đào Rạch Chiếc để xả ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.

- *Về khí và bụi thải*: Phát sinh từ lò luyện thép EAF công suất 20 tấn/giờ và lò luyện thép LF sử dụng năng lượng điện, khí thải được thu gom bằng chụp hút sau đó đưa qua buồng lọc bụi túi vải gồm 2688 túi với công suất 540.000 m^3 /h rồi thải ra ngoài môi trường qua ống khói cao khoảng 18m.

Khí và bụi thải còn phát sinh từ quá trình hoạt động của lò cán thép sử dụng nhiên liệu Gas thiên nhiên CNG đây là nhiên liệu sạch vì vậy ít ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Lượng khí thải sau khi qua bộ tận thu nhiệt rồi thải ra môi trường qua ống khói cao 27 m.

- *Về chất thải rắn thông thường*: Phát sinh trong 09 tháng đầu năm 2014 khoảng 4.510.460 kg gồm: Rác sinh hoạt chuyển cho Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Kim Thi vận chuyển, xử lý; xỉ thép, đất xà bần được ký hợp đồng chuyển cho Công ty TNHH MTV ĐTTMDVXD Minh Trí vận chuyển xử lý; vẩy thép được thu gom và ký hợp đồng với Công ty TNHH Vương Anh vận chuyển, xử lý; bụi lò chuyển cho Công ty TNHH mùa xuân mới.

- *Về chất thải nguy hại (CTNH)*: Phát sinh thực tế trong 09 tháng đầu năm 2014 khoảng 617.400 kg gồm: Cao su thải 730 kg, giẻ lau dính dầu 6.890 kg, dầu thải 870 kg được chuyển cho Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ môi trường Huỳnh Kim Nhật vận chuyển cho Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh xử lý. Tại thời điểm thanh tra, bụi lò luyện thép khoảng 608.460 kg, túi lọc bụi thải khoảng 200 kg, ắc quy khoảng 250 kg được lưu giữ trong kho chứa quá 12 tháng, chưa chuyển cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý xử lý; kho lưu giữ tạm thời CTNH không đúng quy định, không có vách ngăn riêng cho từng loại, không có rãnh thu gom dầu thải chảy tràn, không phân loại CTNH, không dán nhãn cho từng loại, còn để lẫn các loại với nhau, giẻ lau dính dầu còn để ngoài trời, không thu gom triệt để vào khu vực lưu giữ tạm thời CTNH. Qua kiểm tra hồ sơ, toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh đều vượt quá 15% so với đăng ký.

- *Kết quả đo đạc và phân tích mẫu môi trường*:

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước thải tại bể chứa nước thải sau hệ thống xử lý, so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT cột B với $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$ cho thấy các thông số phân tích đều đạt quy chuẩn cho phép;

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu khí thải ống khói lò luyện thép số 1 và ống khói lò luyện thép số 2, so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT cột A với $K_p = 0,8$, $K_v = 0,6$, cho thấy các thông số phân tích đều đạt quy chuẩn cho phép.

- *Về tình hình thực hiện các hồ sơ thủ tục về môi trường*: Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án bảo vệ môi trường; đã có Giấy xác nhận hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường; đã có Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu; đã được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã sao gửi Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã; đã có Giấy phép khai thác nước dưới đất và đã kê khai; nộp phí

bảo vệ môi trường đối với nước thải và đã có Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

- Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường: Công ty có biện pháp xử lý nước thải và khí thải; đã tách riêng hệ thống thu gom nước thải và nước mưa; đã quản lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Các vi phạm và tồn tại:

+ Không cử đại diện có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tham gia buổi công bố quyết định thanh tra về bảo vệ môi trường, quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều 49 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Nghị định số 179/2013/NĐ-CP).

+ Để lẫn từ 02 đến dưới 05 chất thải nguy hại ở dạng sản phẩm thải bỏ đơn chiếc với nhau, quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động Công ty còn một số tồn tại như: Không đăng ký cấp lại chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định; Không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định; Không có báo cáo tình hình nhập khẩu, sử dụng phế liệu nhập khẩu theo quy định; Không chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có Giấy phép quản lý chất thải nguy hại quá 12 tháng kể từ ngày phát sinh chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý theo quy định; Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời CTNH không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

1.6. Công ty Cổ phần Hóc Môn

Công ty Cổ phần Hóc Môn (viết tắt là Công ty) có địa chỉ tại số 3/27 quốc lộ 22, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302265919 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 4 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 28 tháng 11 năm 2012 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động từ năm 1988 trên diện tích 23.664 m² với khoảng 30 cán bộ công nhân viên; hoạt động gia công đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, giống cây trồng, với công suất hoạt động là thuốc trừ sâu khoảng 100 tấn/năm, thuốc trừ bệnh khoảng 250 tấn/năm, thuốc trừ cỏ khoảng 500 tấn/năm, lúa giống khoảng 200 tấn/năm, hiện công suất hoạt động bằng 90% công suất thiết kế; nguyên liệu, hóa chất sử dụng gồm 33 loại với tổng khối lượng là 532.481 kg/năm gồm: Fenobucarb, carbendazin, copper sulphate 5H₂O, emamectin...; nhiên liệu sản xuất là điện; lượng nước sử dụng trung bình 08 m³/ngày.đêm được khai thác từ nguồn nước ngầm.

Công ty đã được Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 117/2000/CV-KCN-MT ngày 11 tháng 01 năm 2000; đã lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết về việc nâng công suất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt và có giấy biên nhận hồ sơ ngày 25 tháng 09 năm 2014; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số 79.001497.T cấp ngày 27 tháng 12 năm 2010; không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định; không thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ theo quy định (không giám sát môi trường không khí xung quanh và khí thải 06 tháng đầu năm 2013 và 2014; năm 2013 không quan trắc giám sát nước thải).

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Về nước thải*: Phát sinh khoảng 06 m³/ngày.đêm từ quá trình sinh hoạt và rửa chân, tay của công nhân được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm để xử lý vi sinh, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B sau đó được thu gom về bể chứa và dùng tưới cây trong khuôn viên Công ty.

- *Về khí và bụi thải*: Phát sinh chủ yếu là hơi hóa chất và bụi hóa chất từ quá trình sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật được thu gom bằng chụp hút sau đó được hấp thụ bằng dung dịch NaOH và than hoạt tính, khí sau xử lý thải ra ngoài môi trường qua ống khói cao khoảng 10m.

- *Về chất thải rắn thông thường*: Rác thải sinh hoạt khoảng 3.000 kg/năm được thu gom và ký hợp đồng chuyển cho Công ty công ích Hóc Môn vận chuyển đến khu vực xử lý theo quy định; giấy vụn được bán cho đơn vị thu mua phế liệu để tái chế.

- *Về chất thải nguy hại (CTNH)*: Khối lượng CTNH phát sinh thực tế năm 2013 là 72.281 kg, trong 09 tháng đầu năm 2014 là 40.619 kg, được thu gom và lưu giữ trong kho chứa, kho có nền bê tông chống thấm, có mái che và ký hợp đồng chuyển cho Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam và Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất TM Tùng Nguyên vận chuyển, xử lý. Qua kiểm tra hồ sơ, một số CTNH phát sinh thực tế vượt so với đăng ký gồm: Bao bì mềm thải mã 18 01 01 là 5027 kg/năm/3600kg/năm vượt 139,6%, giẻ lau mã 18 02 01 là 212 kg/năm/120 kg/năm vượt 76,6% so với trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải; bình ắc quy thải, dầu nhớt thải, bao bì cứng thải bằng nhựa phát sinh là 38.511 kg/năm, bao bì cứng thải bằng kim loại là 28.329 kg/năm chưa đăng ký vào Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH. Tại thời điểm thanh tra, kho lưu giữ CTNH không có biển báo, không có vách ngăn, không có rãnh thu gom dầu thải, không phân loại CTNH, còn để lẫn các loại với nhau.

- *Kết quả đo đạc và phân tích mẫu môi trường*:

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước thải tại bể chứa nước thải sau hệ thống xử lý, so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT cột B $Kq = 1,0$, $Kf = 1,0$ cho thấy các thông số phân tích đều đạt quy chuẩn cho phép;

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu khí thải xử lý bụi và hơi hoá chất, so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT cột A với $Kp = 1,0$, $Kv = 0,8$ cho thấy các thông số $CO = 1389,8$ mg/Nm³ vượt 1,7 lần. Các thông số còn lại đều đạt quy chuẩn cho phép.

- *Về tình hình thực hiện các hồ sơ thủ tục về môi trường*: Công ty đã có Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; đã lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết; đã có Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, đã có biện pháp xử lý nước thải và khí thải, đã tách riêng hệ thống thu gom nước thải và nước mưa, đã quản lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- *Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường*: Công ty đã có biện pháp xử lý nước thải và khí thải, đã tách riêng hệ thống thu gom nước thải và nước mưa, đã quản lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- *Các vi phạm và tồn tại*:

+ Không cử đại diện có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tham gia buổi công bố quyết định thanh tra về bảo vệ môi trường, quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều 49 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

+ Không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

+ Để lẫn từ 02 đến dưới 05 chất thải nguy hại ở dạng sản phẩm thải bỏ đơn chiếc với nhau, quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

+ Không thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường theo quy định, quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 8 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

+ Thải khí, bụi vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 500 m³/giờ đến dưới 5.000 m³/giờ, quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 15 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động Công ty còn một số tồn tại như: Không chuyển chứng từ chất thải nguy hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định; Không thực hiện kê khai và sử dụng chứng từ chất thải nguy hại theo quy định; Không đăng ký cấp lại chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định; Bố trí khu vực lưu trữ tạm thời CTNH không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

1.7. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường và xử lý chất thải Hà Lan

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường và xử lý chất thải Hà Lan (sau đây viết tắt là Công ty) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có mã số doanh nghiệp 0309488015 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 29 tháng 5 năm 2012 của Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực thu gom vận chuyển chất thải nguy hại (CTNH) và chất thải thông thường.

Công ty hoạt động vận chuyển CTNH từ ngày 27 tháng 9 năm 2010; được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép hành nghề vận chuyển CTNH mã số QLCTNH: 79.046.V ngày 28 tháng 6 năm 2010 theo đó địa bàn được phép hoạt động là Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 29 tháng 7 năm 2011 Công ty đã có Công văn số 25/2011/TB-HLC gửi Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông báo trả lại Giấy phép nêu trên kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2012. Công ty đã được Tổng cục Môi trường cấp Giấy phép hành nghề vận chuyển CTNH mã số QLCTNH: 5-6-7-8.075V ngày 27 tháng 09 năm 2010, địa bàn được phép hoạt động gồm: Vùng Đông Nam Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ, Đồng Bằng Sông Cửu Long và Vùng Tây Nguyên và chỉ được phép vận chuyển CTNH về Công ty TNHH TM & SX Ngọc Tân Kiên và Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương Mại Petrolimex để xử lý, tiêu hủy; phương tiện vận chuyển chuyên dụng gồm: 01 xe tải thùng kín Hino 3.5 tấn (54Z-8902), 01 xe tải thùng kín Hino 1.1 tấn (54Z-9429), thiết bị chuyên dụng để lưu chứa vận chuyển gồm: thùng phuy nhựa 240 lít, 660 lít, thùng phuy sắt 220 lít, bao bì các loại. Bên cạnh đó, Công ty đã được Tổng cục Môi trường chấp thuận bổ sung thêm 01 phương tiện vận chuyển CTNH tại Công văn số 1983/TCMT-QLCT&CTMT ngày 28 tháng 11 năm 2012. Giấy phép hành nghề vận chuyển CTNH do Tổng cục Môi trường cấp hết hạn từ ngày 27 tháng 9 năm 2013, tại thời điểm thanh tra Công ty báo cáo đã ngừng mọi hoạt động vận chuyển CTNH.

Theo báo cáo, Công ty đang phối hợp đăng ký là đại lý vận chuyển CTNH cho Công ty TNHH MTV đóng tàu và thương mại PETROLIMEX. Quá trình Công ty chuyên giao CTNH phục vụ quá trình vận hành thử nghiệm của Công ty Petrolimex đã được Tổng cục Môi trường chấp thuận tại Văn bản số 277/TCMT-QLCT&CTMT ngày 04 tháng 3 năm 2013 theo đó thời gian vận chuyển không quá ngày 31 tháng 7 năm 2013. Theo nội dung Công văn số 1253/TCMT-QLCT&CTMT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Tổng cục Môi trường về việc chấp thuận cho xuất khẩu CTNH đối với Công ty TNHH WRC Việt Nam thì Công ty là 01 trong 04 đơn vị được phép vận chuyển 02 mã CTNH trong phạm vi nội địa gồm: bùn thải và bã lọc có thành phần nguy hại (mã 07 01 05) và bùn thải có thành phần nguy hại (mã 12 06 06).

Công ty đã được Bộ tài nguyên và Môi trường phê duyệt bản Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy tái chế, xử lý chất thải công nghiệp và nguy

hại ” tại xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định số 1523/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 08 năm 2011. Theo báo cáo của Công ty, hiện nay địa điểm thực hiện Dự án chỉ để làm nơi tập kết xe vận chuyển CTNH.

Theo báo cáo của Công ty, tổng khối lượng CTNH năm 2012 Công ty thực hiện thu gom là 147.452 kg trong đó chuyển giao cho Công ty TNHH Môi trường Tươi Sáng là 26.215 kg, chuyển giao cho Công ty TNHH MTV đóng tàu và thương mại Petrolimex là 4.508 kg. Trong năm 2013 đã thực hiện thu gom 48.348 kg CTNH và thực hiện chuyển giao cho Công ty TNHH Môi trường Tươi Sáng 2.740 kg, Công ty TNHH MTV đóng tàu và dịch vụ Petrolimex là 11.021 kg, chuyển giao cho Công ty TNHH SX TM Ngọc Tân Kiên là 9.606 kg và chuyển giao cho Công ty TNHH WRC Việt Nam là 24.980 kg. Công ty đã có báo cáo định kỳ tình hình quản lý CTNH đối với chủ hành nghề vận chuyển CTNH trong năm 2013.

Qua kiểm tra tài liệu do Công ty cung cấp cho thấy: Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của Công ty với các chủ nguồn thải CTNH đã được ký giữa ba bên; đã kê khai và sử dụng chứng từ CTNH tuy nhiên một số chứng từ không ghi đầy đủ số hiệu liên, phương pháp xử lý, cụ thể các liên số: 06/2013 đối với chủ nguồn thải là Công ty TNHH Glorytex Vina và số 01/2013/75.001693,T đối với chủ nguồn thải là Nhà máy chế biến thực phẩm Đồng Nai. Ngoài ra, sau khi có ý kiến của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 1627/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 10 năm 2012, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện theo một số Hợp đồng ký năm 2012 để chuyển giao CTNH cho Công ty TNHH Môi trường Tươi Sáng đến ngày 12 tháng 4 năm 2013 khi chưa được sự chấp thuận bằng văn bản của Tổng cục Môi trường. Công ty báo cáo đã có Công văn số 11/2012/CV-HLC ngày 17 tháng 02 năm 2012 về việc xin chuyển giao CTNH cho Công ty TNHH Môi trường Tươi Sáng, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Tổng cục Môi trường chưa có ý kiến phản hồi.

- *Về tình hình thực hiện các thủ tục về môi trường:* Công ty đã được Tổng cục Môi trường cấp Giấy phép hành nghề vận chuyển CTNH nhưng đã hết hạn; đã có báo cáo hành nghề quản lý CTNH; đã kê khai và sử dụng chứng từ CTNH trong quá trình vận chuyển nhưng chưa đúng quy định và thực hiện không đúng nội dung Giấy phép QLCTNH đã được Tổng cục Môi trường cấp.

- *Các vi phạm*

+ Không thực hiện kê khai và sử dụng chứng từ chất thải nguy hại theo quy định; quy định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 22 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 179/2013/NĐ-CP);

+ Không có đề nghị bằng văn bản kèm theo hợp đồng để cơ quan cấp phép xem xét, chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện việc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị xử lý chất thải nguy hại khác; quy định tại Điểm g, Khoản 3, Điều 22 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

1.8. Công ty TNHH Khoa học Công nghệ môi trường Quốc Việt

Công ty TNHH Khoa học Công nghệ môi trường Quốc Việt (sau đây viết tắt là Công ty) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số 0301723651 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh với ngành nghề kinh doanh chính là thu gom và xử lý chất thải công nghiệp, dân dụng và chất thải nguy hại (CTNH).

Hiện tại, Công ty đang quản lý: 01 Nhà máy tái chế CTNH tại Khu tiêu thụ công nghiệp Lê Minh Xuân; 01 hệ thống xử lý nước rỉ rác tại Bãi rác Phước Hiệp, 01 hệ

thông xử lý nước thải công nghiệp không nguy hại và 01 hệ thống thực nghiệm xử lý, tái chế bùn thải không nguy hại làm phân bón tại Khu liên hợp xử lý chất thải Tây Bắc Củ Chi và 01 hệ thống xử lý nước rỉ rác tại bãi rác Đông Thạnh, huyện Hóc Môn.

a. Nhà máy tái chế chất thải nguy hại

Nhà máy tái chế chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là Nhà máy) của Công ty có địa chỉ tại Lô Q7-11, đường số 6, Khu tiểu thủ công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; hoạt động từ năm 2007 trong lĩnh vực thu gom và xử lý CTNH trên diện tích mặt bằng 600 m² với số lượng cán bộ, công nhân là 20 người. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Nhà máy sử dụng nhiên liệu là dầu diesel phục vụ cho các phương tiện vận chuyên; sử dụng nguyên liệu là FeSO₄.7H₂O (10 tấn/năm) và phoi sắt (2,4 tấn/năm). Lượng nước sử dụng cho Nhà máy khoảng từ 03 - 04 m³/ngày.đêm do Chủ đầu tư hạ tầng Khu tiểu thủ công nghiệp Lê Minh Xuân cung cấp.

Công ty đã có Giấy chứng nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 8406/ĐK-TNMT-QLMT ngày 16 tháng 11 năm 2005 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cho Xưởng xử lý CTNH tại Khu tiểu thủ công nghiệp Lê Minh Xuân; đã thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ cho Nhà máy nêu trên nhưng chưa đầy đủ nội dung theo bộ hồ sơ đăng ký hành nghề quản lý CTNH; đã hợp đồng xử lý nước thải phát sinh với chủ đầu tư hạ tầng Khu tiểu thủ công nghiệp Lê Minh Xuân; đã được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH: 79.000344.T ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty đã được được Tổng cục Môi trường cấp Giấy phép hành nghề QLCTNH có mã số 6-7-8.047.VX, cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2013, theo đó được phép sử dụng 05 phương tiện vận chuyên và các trang thiết bị, máy móc chuyên dụng để phục vụ xử lý, tiêu huỷ CTNH bao gồm: Bể tiếp nhận và điều chỉnh môi trường, bể khử axit và kim loại nặng, bể tách dầu mỡ và lắng cặn, bể điều chỉnh nồng độ và lắng trong và các bồn, bể lưu chứa chuyên dụng; các vùng được phép hoạt động gồm: Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long; tổng khối lượng CTNH được phép vận chuyên, xử lý không quá 7.200.000 kg/năm.

Ngoài ra, Công ty đã xây dựng 01 hệ thống xử lý bùn thải có công suất 01 tấn/ngày để xử lý bùn cho Công ty Liên doanh nhôm Việt Nhật nhằm tái chế PAC phục vụ cho xử lý nước thải. Việc xây dựng hệ thống này được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận tại Văn bản số 3863/TNMT-CTR ngày 03 tháng 6 năm 2009. Tuy nhiên, Công ty báo cáo hệ thống đã ngừng hoạt động từ năm 2011 do chi phí vận hành lớn, không hiệu quả và đang được tháo dỡ thiết bị.

Trong quá trình hoạt động, Nhà máy phát sinh các loại chất thải và đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Về nước thải:* Theo báo cáo, nước thải phát sinh chủ yếu từ sinh hoạt có khối lượng khoảng từ 03 – 04 m³/ngày.đêm được thu gom và xử lý tại bể tự hoại trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của Khu TTCN Lê Minh Xuân để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Ngoài ra, còn có một lượng nước thải không đáng kể phát sinh từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng được thu gom chung về Trạm xử lý nước thải tập trung.

- *Về khí thải:* Hoạt động của Nhà máy phát sinh hơi axit tại bể khử axit và kim loại nặng, chủ yếu gây tác động đến môi trường không khí xung quanh khu vực xử lý.

- *Về chất thải rắn và CTNH:* Chất thải rắn phát sinh từ sinh hoạt được thu gom, định kỳ chuyển giao cho Công ty TNHH TMDV CNKT Môi trường Biển Xanh theo Hợp đồng số 23913.LMX/HĐ-BX ngày 01 tháng 8 năm 2013. Theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, Công ty đăng ký phát sinh 04 loại gồm: bùn thải, váng dầu, giẻ lau

dính dầu và bóng đèn huỳnh quang thải với tổng khối lượng khoảng 124,5 kg/tháng. Công ty đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Cát Thịnh Xanh thu gom, vận chuyển và xử lý. Theo báo cáo tình hình phát sinh và quản lý CTNH của 06 tháng đầu năm 2014, Công ty phát sinh 56,5 kg, hiện đang được xin lưu giữ và cam kết sẽ chuyển giao trong 06 tháng tới, tuy nhiên Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với Công ty Cát Thịnh Xanh đã hết hạn từ ngày 22 tháng 8 năm 2014.

- Về chấp hành các quy định theo Giấy phép hành nghề QLCTNH:

Công ty đã lập báo cáo hành nghề QLCTNH nhưng chưa đúng, đầy đủ theo các nội dung của Phụ lục 4B, Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT. Theo nội dung báo cáo, trong 06 tháng đầu năm 2014, Công ty đã thu gom, vận chuyển và xử lý 2.387.460 kg CTNH từ 05 chủ nguồn thải. Cũng theo báo cáo, các phương tiện vận chuyển CTNH đã được Công ty lắp đặt thiết bị theo dõi GPS nhưng tại thời điểm thanh tra không kiểm tra được hành trình cho các phương tiện. Theo báo cáo hành nghề QLCTNH của 06 tháng đầu năm 2014, Công ty đã thực hiện kê khai và sử dụng chứng từ trong quá trình tiếp nhận, vận chuyển và xử lý CTNH tuy nhiên: một số liên chứng từ không được điền số liên, số chứng từ, ngày hoàn thành việc xử lý (liên chứng từ đối với Công ty TNHH Thép SeAH Việt Nam). Hiện Công ty vẫn đang lưu giữ một số liên 2T (theo quy định phải gửi về Tổng cục Môi trường) và liên số 4 (theo quy định phải chuyển lại cho chủ nguồn thải).

b. Hệ thống xử lý nước rỉ rác tại Bãi rác Phước Hiệp, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp không nguy hại, hệ thống thực nghiệm xử lý, tái chế bùn thải không nguy hại làm phân bón tại Khu liên hợp xử lý chất thải Tây Bắc Củ Chi

Bãi rác Phước Hiệp do Công ty xử lý chất thải Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh) lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) được Bộ Khoa học và Công nghệ phê chuẩn tại Quyết định số 377/QĐ-BKHCN ngày 7 tháng 10 năm 2002 với diện tích khu chôn lấp là 19 ha. Đến thời điểm hiện tại, Công ty được giao khoảng 06 ha thuộc Khu liên hợp xử lý chất thải Tây Bắc Củ Chi để phục vụ cho xử lý nước rỉ rác, thực nghiệm xử lý nước thải công nghiệp không nguy hại và thực nghiệm xử lý tái chế bùn thải không nguy hại làm phân bón.

Công ty thực hiện xử lý nước rỉ rác của Bãi rác Phước Hiệp từ năm 2003 và được Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh thẩm định công nghệ xử lý nước rỉ rác tại Văn bản số 131/SKHCN-QLCN ngày 09 tháng 02 năm 2007. Hiện tại, lượng nước rỉ rác do Công ty nhận xử lý khoảng 800 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT và QCVN 25:2009/BTNMT, cột B trước khi xả vào Kênh 15 thuộc hệ thống kênh mương thủy lợi do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh quản lý. Theo Thông báo số 203-TB-SNN-VP ngày 08 tháng 8 năm 2012 của Sở NN&PTNT đề nghị đơn vị đứng tên đề nghị cấp phép xả thải đối với bãi rác nêu trên là Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Thành phố, tuy nhiên theo Công văn số 2259/SNN-CCTL ngày 22 tháng 11 năm 2013 của Sở NN&PTNT thì Công ty Môi trường đô thị chưa gửi hồ sơ đề nghị cấp phép xả thải.

Công ty đã sử dụng một phần diện tích trong hệ thống xử lý nước rỉ rác để thực nghiệm xử lý nước thải công nghiệp không nguy hại và thực nghiệm xử lý tái chế bùn thải không nguy hại làm phân bón. Quá trình thực nghiệm hệ thống xử lý nước thải công nghiệp của Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận tại các Văn bản: số 3147/TNMT-CTR ngày 27 tháng 5 năm 2010 và số 5494/TNMT-CTR ngày 27 tháng 8 năm 2010. Tại thời điểm thanh tra, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp có công suất 200 m³/ngày.đêm vẫn đang trong quá trình thử

nghiệm và việc xả nước thải vào Kênh 15 phải đạt tiêu chuẩn môi trường dưới sự giám sát của các cơ quan chức năng địa phương. Bên cạnh đó, quá trình thực nghiệm sản xuất, tái chế bùn thải không nguy hại và sản xuất phân bón của Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận tại Văn bản số 3566/TNMT-CTR ngày 10 tháng 5 năm 2014 với thời hạn 18 tháng.

Thực tế kiểm tra tại khu vực này cho thấy Công ty có phát sinh bao bì đựng hóa chất thải có nhiễm thành phần nguy hại phục vụ quá trình vận hành các hệ thống nêu trên chưa được đăng ký trong Sổ chủ nguồn thải CTNH và đăng ký địa điểm phát sinh CTNH cho khu vực hệ thống xử lý nước thải và tái chế bùn nêu trên. Công ty đã bố trí khu vực lưu giữ tạm thời CTNH tại khu vực này và chuyển giao CTNH cho Công ty Cổ phần Cát Thịnh Xanh vận chuyển, xử lý.

Hiện tại, nước thải phát sinh từ quá trình xử lý nước rỉ rác khoảng 800 m³/ngày đêm được xả ra Kênh 15, nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải công nghiệp khoảng 200 m³/ngày.đêm được xả ra Kênh 5.

- *Kết quả đo đạc và phân tích mẫu môi trường:*

+ Kết quả đo đạc và phân tích các mẫu môi trường không khí xung quanh lấy tại đầu hướng gió Tây Nam và cuối hướng gió Đông Bắc khu xử lý nước rỉ rác so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT và 06:2009/BTNMT cho thấy các thông số đều đạt quy chuẩn kỹ thuật cho phép;

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước thải sau hệ thống nước rỉ rác trước khi thải ra Kênh 15 (lấy ngày 12/9/2014 tại HTXLNT của Bãi rác Phước Hiệp) so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT và QCVN 25:2009/BTNMT, cột B cho thấy các thông số: BOD₅ = 102 mg/l vượt 1,1 lần, SS = 199 mg/l vượt 2,2 lần, Fe = 7,74 mg/l vượt 1,7 lần, Tổng Nitơ = 58,75 mg/l vượt 1,1 lần, NH₄⁺-N = 37,8 mg/l vượt 1,7 lần, Coliform = 7.500 Vi khuẩn/100ml vượt 1,5 lần;

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước thải sau hệ thống nước rỉ rác (lấy ngày 01/10/2014 tại bãi rác Đông Thạnh với lưu lượng khoảng 550 m³/ngày.đêm) so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT và QCVN 25:2009/BTNMT, cột B cho thấy giá trị thông số Coliform = 7.000 Vi khuẩn/100ml còn cao so với quy chuẩn, mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước khi thải ra kênh dẫn ra sông Rạch Tra có thông số Coliform = 7.500 Vi khuẩn/100ml.

- *Về tình hình thực hiện các thủ tục về môi trường:* Công ty đã có Giấy chứng nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, báo cáo ĐTM cho các Dự án được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, phê chuẩn; đã được Tổng cục Môi trường cấp Giấy phép hành nghề quản lý CTNH; đã có báo cáo tình hình QLCTNH và kê khai sử dụng chứng từ CTNH.

- *Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường:* Công ty đã có biện pháp thu gom, xử lý nước rỉ rác, nước thải công nghiệp và khí thải phát sinh trước khi xả ra ngoài môi trường; tuy nhiên các mẫu nước rỉ rác sau xử lý chưa đạt quy chuẩn kỹ thuật; chưa thực hiện đúng quy định về quản lý CTNH và bộ hồ sơ đăng ký hành nghề quản lý CTNH.

- *Các vi phạm và tồn tại:*

+ Xả nước thải có chứa thông số môi trường không nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m³/ngày (24 giờ) (mẫu nước thải sau xử lý tại bãi rác Phước Hiệp); quy định tại Điểm m, Khoản 2, Điều 13 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Phạt tăng thêm 1% của mức phạt tiền đối với hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải nêu trên đối với thông số BOD₅ vượt 1,1 lần; phạt tăng thêm 1% của mức phạt tiền đối với thông số Fe vượt 1,7 lần; phạt tăng thêm 1% của mức phạt tiền đối với thông số Tổng Nitơ vượt 1,1 lần; phạt tăng thêm 1% của mức phạt tiền đối với thông số NH₄⁺-N vượt 1,7 lần; phạt tăng thêm 1% của mức phạt tiền đối với thông số Coliform vượt 1,5 lần. Tổng mức phạt tăng thêm 5%; quy định tại Điểm m, Khoản 2 và Khoản 5, Điều 13 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, đo đạc và phân tích 01 mẫu nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật; quy định tại Điểm c, Khoản 7, Điều 13 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

Ngoài ra, đến thời điểm thanh tra, Công ty còn một số tồn tại gồm: chưa thực hiện đúng kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường trong bộ hồ sơ đăng ký kèm theo Giấy phép quản lý chất thải nguy hại (về chương trình giám sát môi trường); chưa lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ; chưa thực hiện kê khai và sử dụng chứng từ chất thải nguy hại theo quy định; chưa chuyển chứng từ chất thải nguy hại cho cơ quan có thẩm quyền; chưa đăng ký cấp lại chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu nước thải sau xử lý tại bãi rác Đông Thạnh có thông số Coliform còn cao so với quy chuẩn. Tuy nhiên, Công ty đã nghiêm túc tiếp thu và khắc phục một số tồn tại nêu trên.

1.9. Công ty Dầu khí Premier Oil Việt Nam

Công ty Dầu khí Premier Oil Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty) có địa chỉ tại tầng 18, tòa nhà Kumho Asian, số 39 Lê Duẩn, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; hoạt động trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí theo Giấy phép đầu tư số 2179/GP ngày 22 tháng 11 năm 2000 và được điều chỉnh theo Giấy phép số 2179/GCNDĐC5-BKH ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Công ty hoạt động từ năm 2006 và khai thác dòng dầu đầu tiên vào ngày 10 tháng 10 năm 2011. Hiện tại Công ty đang thực hiện các hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí tại Mỏ Chim Sáo, lô 12W, ngoài khơi Đông Nam Việt Nam với 02 mỏ gồm: Mỏ Chim Sáo bắt đầu khai thác năm 2010 và Mỏ Dừa dự kiến khai thác tháng 5 năm 2014 với tổng số cán bộ, công nhân viên là 80 người; sản phẩm là khí đồng hành và dầu thô, sản lượng khoảng 28.000 thùng dầu thô/ngày và 20 triệu bộ khối khí; hóa chất phục vụ cho hoạt động khai thác gồm: Bactron, Monnoetthanolamine, Xylen... khoảng 10.517 m³/năm 2013; các loại nhiên liệu phục vụ cho sản xuất: xăng, dầu DO chủ yếu dùng máy phát điện dự phòng, chạy tàu. Lượng nước sử dụng cho quá trình sinh hoạt của Công ty trung bình khoảng 21 m³/ngày.đêm, sử dụng nguồn nước lọc từ nước biển và nước ngọt cấp từ bờ.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án phát triển lô 12W đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1931/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 10 năm 2008; Dự án bổ sung phát triển lô 12W được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 561/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 3 năm 2011; đã thực hiện chương trình giám sát môi trường theo quy định; kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đến hết quý II năm 2013.

Công ty đã được Tổng cục Môi trường xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường tại văn bản số 2013/TCMT ngày 22 tháng 11 năm 2011; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu phê duyệt các kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho chiến dịch khoan, cũng như cho dự án phát triển lô 12W theo Quyết định Số 282/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 9 năm 2008 và Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2012.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Về nước thải*: Nước thải phát sinh trong chiến dịch khoan phát triển năm 2012 chủ yếu là nước thải sinh hoạt khoảng 17 m³/ngày được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hiệu suất cao, tái sử dụng khoảng 30%. Nước thải nhiễm các hợp chất hữu cơ (từ tháng 7 năm 2012) phát sinh khoảng 3.000 m³/ngày được chuyển về bờ và xử lý bởi Công ty cổ phần Sao Việt; nước khai thác bắt đầu phát sinh tại mỏ Chim Sáo từ đầu năm 2013 với lưu lượng khoảng 253 m³/ngày được xử lý qua hệ thống xử lý nước khai thác trên tàu chứa dầu FPSO, nguồn tiếp nhận nước thải là vùng biển ngoài khơi theo QCVN 35:2010/BTNMT.

- *Về khí thải*: Khí thải phát sinh trong quá trình khoan chủ yếu phát sinh từ các loại máy phát trên giàn, máy tàu và máy bay trực thăng, khí thải ra từ quá trình cháy của sản phẩm dầu mỏ, chủ yếu là CO₂, tuy nhiên các thiết bị sử dụng cho chiến dịch khoan đều là các loại thiết bị có hiệu suất cao, nên lượng khí tác động lên môi trường được giảm thiểu đáng kể.

- *Về chất thải rắn thông thường*: Chất thải rắn thông thường gồm thức ăn thừa, gỗ palet, bia carton, sắt thép phế liệu...có tổng khối lượng khoảng 6 tấn/tháng phát sinh tại mỏ được Công ty chuyển giao cho Công ty Tàu dịch vụ Dầu khí - PTSC chở về Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC và chuyển giao cho Công ty Cổ phần Dịch vụ môi trường và Công trình đô thị Vũng Tàu xử lý.

- *Về chất thải nguy hại (CTNH)*: Chất thải nguy hại gồm giẻ và chất thải dính dầu (2.220 kg), chất thải lây nhiễm (50 kg), bóng đèn huỳnh quang (80 kg)...được Công ty ký hợp đồng chuyển giao với Công ty Tàu dịch vụ Dầu khí để đến cảng của Công ty Cảng Dịch vụ Dầu Khí sau đó chuyển giao cho Công ty CP Môi trường Sao Việt và Công ty TNHH Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại Môi trường Việt Xanh thu gom và xử lý. Tại thời điểm thanh tra, Công ty còn phát sinh các loại bao bì kim loại thải mã 180102, bao bì cứng thải bằng nhựa mã 180103, hiện đăng ký vào mã 180201 và chuyển giao cho Công ty Tàu dịch vụ Dầu khí để vận chuyển. Tuy nhiên, theo Giấy phép hành nghề QLCTNH mã QLCTNH: 4-4-7-8.045.V do Tổng cục Môi trường cấp cho Công ty Tàu dịch vụ Dầu khí thì các mã CTNH nêu trên Công ty Tàu dịch vụ Dầu khí không có chức năng vận chuyển. Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH mã số QLCTNH: 77.0000.46.T ngày 10 tháng 10 năm 2011; đã có văn bản báo cáo gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tình hình phát sinh và quản lý CTNH theo quy định.

- *Về tình hình thực hiện các thủ tục về môi trường*: Công ty đã lập báo cáo ĐTM và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoàn thành các công trình xử lý môi trường; đã thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ; đã được cấp Sổ đăng ký sổ chủ nguồn thải CTNH, tuy nhiên chưa lập hồ sơ xin điều chỉnh sổ chủ nguồn thải CTNH theo quy định; đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp...

- *Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường*: Công ty đã xây dựng các công trình xử lý chất thải (nước thải, khí thải). Tuy nhiên, Công ty chưa điều chỉnh sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH theo thực tế các CTNH phát sinh; chuyển giao CTNH cho đơn vị không có chức năng vận chuyển.

- *Các vi phạm và tồn tại*

+ Không điều chỉnh đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định; vi phạm điểm a, Khoản 2, Điều 17 Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Chuyển giao chất thải nguy hại cho tổ chức không có đủ điều kiện về quản lý, vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định; vi phạm điểm b, Khoản 3, Điều 17 Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

1.10. Công ty TNHH Cảng Phước Long

Công ty TNHH Cảng Phước Long (sau đây viết tắt là Công ty) có địa chỉ tại lầu 19 Gemadept Tower, số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; hoạt động trong lĩnh vực khai thác kho bãi container theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000310 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 18 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp; chuyên kinh doanh khai thác kho bãi container với công suất thiết kế 125.000 Teu/năm, trên diện tích mặt bằng khoảng 4 ha với tổng số công nhân là 460 người; nhiên liệu sử dụng gồm: Dầu DO 2000 lít/tháng, dầu nhớt 500 lít/tháng dùng trong hoạt động của các phương tiện; lượng nước sử dụng trung bình khoảng 30 m³/ngày.đêm, được lấy từ nước máy. Tại thời điểm Thanh tra Công ty chưa có Đề án Bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Về nước thải*: Khối lượng nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải nhà ăn tập thể, lưu lượng khoảng 30 m³/ngày được thu gom và xử lý sơ bộ về bể tự hoại 03 ngăn sau đó dẫn vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực.

- *Về khí thải*: Khí thải, bụi thải phát sinh không đáng kể.

- *Về chất thải rắn thông thường*: Rác thải sinh hoạt và rác thải rắn thông thường khoảng 3.000 kg/tháng được hợp đồng với Công ty TNHH MTV dịch vụ Công ích Quận 9 Thành phố Hồ Chí Minh thu gom và xử lý.

- *Về chất thải nguy hại (CTNH)*: Chất thải nguy hại gồm dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu, mỡ, thùng chứa nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, bình ắc quy...khoảng 1.200 kg/tháng. Tại thời điểm thanh tra Công ty chưa có kho lưu giữ an toàn CTNH, CTNH để ngoài trời không có mái che; chuyển giao CTNH cho các đơn vị không có Giấy phép quản lý CTNH để xử lý. Công ty chưa có Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH; chưa có văn bản báo cáo gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tình hình phát sinh và quản lý CTNH theo quy định.

- *Về tình hình thực hiện các thủ tục về môi trường*: Công ty chưa lập đề án bảo vệ môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; chưa có Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH; chưa có văn bản báo cáo gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tình hình phát sinh và quản lý CTNH theo quy định.

- *Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường*: Công ty chưa có kho lưu giữ CTNH theo quy định; chuyển giao CTNH cho các đơn vị không có Giấy phép quản lý CTNH theo quy định, chưa đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

- *Các vi phạm và tồn tại*:

+ Không bố trí nơi an toàn để lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại; không phân loại chất thải nguy hại, để lẫn chất thải nguy hại khác loại với nhau hoặc với chất thải khác;

+ Chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có đủ điều kiện về quản lý, vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định;

+ Không đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

Ngoài ra, Công ty còn chưa lập đề án bảo vệ môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, chưa có văn bản báo cáo gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

1.11. Công ty TNHH Hóa chất Hanjin Việt Nam

Công ty TNHH Hóa chất Hanjin Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty) có địa chỉ tại khu công nghiệp (KCN) Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, được Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 212043.000281 cấp lần đầu ngày 15 tháng 6 năm 2010, đăng ký thay đổi lần hai ngày 20 tháng 02 năm 2014 và sửa đổi lần 3 ngày 12 tháng 3 năm 2015. Công ty bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2010 trong KCN Đại Đồng-Hoàn Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đến tháng 2 năm 2013 Công ty bắt đầu chuyển sang đầu tư cơ sở sản xuất tại KCN Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Công ty có diện tích mặt bằng sản xuất 1.000 m² với số lượng cán bộ công nhân viên 29 người, chuyên sản xuất sơn dùng để sơn vỏ điện thoại, khối lượng khoảng 200 tấn SP/năm; nguyên liệu sử dụng gồm: dung môi Iso Proyl Alcohol (489 kg/tháng), dung môi Xylene (895 kg/tháng), dung môi Ethyl Acetate (540 kg/tháng), nhiên liệu sử dụng chủ yếu là điện (320 kw/tháng); hóa chất sử dụng gồm: methanol (815 kg/tháng), butyl cellosolve (564 kg/tháng), methyl acetate (1.900 kg/tháng), acetone (1.600 kg/tháng), butyl acetate (360 kg/tháng) mibk (3.300 kg/tháng), Cyc (380 kg/tháng); lượng nước sử dụng khoảng 3,5 m³/ngày.đêm do Công ty phát triển hạ tầng KCN cấp.

Công ty đã được Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án “Sản xuất và kinh doanh sơn Hanjin Việt Nam” tại Quyết định số 70/QĐ-BQL ngày 07 tháng 5 năm 2012; đã có báo cáo tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại (CTNH); đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH mã số 27.000284.T ngày 08 tháng 10 năm 2015; chưa có giấy xác nhận việc thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; đã thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ, tuy nhiên thiếu chỉ tiêu quan trắc nước thải, khí thải và tần suất quan trắc nước thải và khí thải.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Nước thải*: Chủ yếu là nước thải sinh hoạt, phát sinh trung bình khoảng 2,8 m³/ngày.đêm, được xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại sau đó được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của KCN, dung môi thải phát sinh từ khâu vệ sinh thiết bị được quản lý như CTNH.

- *Khí thải*: Chủ yếu phát sinh từ các khu vực sản xuất sơn. Công ty đang sử dụng 02 hệ thống thông gió trong nhà xưởng sản xuất, 01 hệ thống xử lý khí thải (mùi sơn) bằng than hoạt tính trước khi thải ra môi trường bên ngoài. Tại thời điểm thanh tra, cán bộ công nhân làm việc tại các vị trí có phát sinh hơi dung môi thải không sử dụng khẩu trang và mặt nạ phòng độc theo quy định.

- *Chất thải rắn thông thường*: Gồm vỏ thùng phuy 180 lít, thùng 18 lít, thùng 4 lít, vỏ lon 0,5 kg (dùng để đóng sản phẩm tuy nhiên không đạt quy chuẩn nên thải ra), bìa carton, gỗ balet... được Công ty ký hợp đồng số 06/15 ngày 26 tháng 06 năm 2015 với Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành để thu gom, xử lý.

- *Chất thải nguy hại (CTNH)*: Gồm bóng đèn huỳnh quang thải (10 kg/năm); gang tay, giẻ lau bị nhiễm thành phần nguy hại (300 kg/năm); hộp mực in thải có thành phần nguy hại (3kg/năm); cặn sơn, sơn và vecni thải (200 kg/năm); mực in thải có thành phần nguy hại (2kg/năm); đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải (600 kg/năm), bao bì cứng thải bằng than hoạt tính kim loại nhiễm thành phần nguy hại (800kg/năm); Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại (100kg/năm); bao bì mềm thải nhiễm thành phần nguy hại (400 kg/năm); được lưu giữ trong kho

chứa rồi chuyển cho Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành thu gom và xử lý. Theo báo cáo của Công ty, cặn son, sơn và vecni thải phát sinh 200 kg/năm, tuy nhiên, qua kiểm tra chứng từ chuyển giao CTNH năm 2015 cho thấy Công ty đã chuyển cho Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành là 410 kg/năm. Khu lưu giữ CTNH đã có tên nhưng chưa có biển báo dấu hiệu phòng ngừa, khu lưu giữ chất thải lỏng chưa có gờ bao; tại thời điểm thanh tra, Công ty đã chuyển giao tất cả CTNH phát sinh, tuy nhiên Công ty không có chứng từ chuyển giao theo quy định.

- *Kết quả đo đạc và phân tích mẫu môi trường:*

- 01 mẫu môi trường không khí khu vực sản xuất so sánh với tiêu chuẩn theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thống số vệ sinh lao động cho thấy các thông số đều đạt tiêu chuẩn cho phép; 02 mẫu khí thải sau hệ thống xử lý trước khi thải vào môi trường so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B), QCVN 20:2009/BTNMT với $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,0$ cho thấy các thông số đều đạt quy chuẩn kỹ thuật cho phép.

- 01 mẫu nước thải tại điểm đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp có COD = 165 mg/l, BOD₅ = 63,2 mg/l, Tổng Photpho = 10,25 mg/l, Tổng Nitơ = 126 mg/l, NH₄⁺_N = 110 mg/l.

- *Về tình hình thực hiện các thủ tục về môi trường:* Công ty đã được Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường; đã có sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, chưa có giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

- *Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường:* Công ty đã thực hiện đúng quy định về quản lý chất thải rắn thông thường; đã có biện pháp xử lý nước thải, khí thải trước khi thải ra môi trường, tuy nhiên quản lý CTNH, giám sát chất thải và môi trường xung quanh chưa đúng theo quy định.

- *Các vi phạm và tồn tại:*

+ Thực hiện không đầy đủ chương trình quan trắc, giám sát môi trường theo quy định, quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, quy định tại Điểm d, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không phân định, phân loại, xác định đúng số lượng, khối lượng chất thải nguy hại phải đăng ký và quản lý theo quy định (đôi với que hàn, xỉ hàn thải); quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

+ Không thực hiện kê khai và sử dụng chứng từ chất thải nguy hại theo quy định; quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án theo quy định và gửi cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường để được kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức, quy định tại Điểm p, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không có giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, quy định tại Điểm q, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

Ngoài ra, cán bộ công nhân viên của Công ty chưa chấp hành đúng quy định về an toàn lao động đã cam kết trong báo cáo Đánh giá tác động môi trường.

1.12. Công ty Cổ phần Khai Sơn

Công ty Cổ phần Khai Sơn (sau đây viết tắt là Công ty) có địa chỉ tại khu công nghiệp (KCN) Thuận Thành III, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; Công ty đã được Ban Quản lý KCN tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 21221000068, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 9 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 20 tháng 12 năm 2012 với ngành nghề đăng ký kinh doanh chính là đầu tư và kinh doanh hạ tầng KCN. Tổng diện tích mặt bằng là 140ha, trong đó: diện tích giải phóng mặt bằng là 90ha, diện tích đất đã ký hợp đồng thuê là 50,9254ha; tỉ lệ diện tích lấp đầy 94%. Hiện tại, số lượng dự án đã được cấp giấy phép đầu tư là 36/38, có 28 cơ sở đang hoạt động và 3 cơ sở đang triển khai xây dựng; số lượng công nhân viên hiện có là 51 người; lượng nước sử dụng trung bình khoảng 450 m³/ngày.đêm, sử dụng từ khai thác nước ngầm. Tại thời điểm thanh tra, trong khuôn viên nhà máy xử lý nước thải có 01 xưởng sửa chữa cơ khí và chưa có thủ tục môi trường được phê duyệt.

Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho Dự án “Đầu tư và kinh doanh hạ tầng KCN Thuận Thành” và được Sở TN & MT tỉnh Bắc Ninh phê duyệt tại Quyết định số 184/QĐ-TNMT ngày 18 tháng 12 năm 2007; đã được Sở TN&MT tỉnh Bắc Ninh cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH mã số QLCTNH 27.000599.T cấp ngày 07/7/2015; đã có Giấy phép khai thác nước dưới đất số 939/GP-BTNMT ngày 23/5/2011 do Bộ tài nguyên môi trường cấp; Công ty chưa có giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành, tuy nhiên theo báo cáo của Công ty, Công ty đã có công văn số 44/BC-KS ngày 31/8/2015 gửi Sở TNMT xin xác nhận; chưa có Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; chưa có báo cáo CTNH định kỳ gửi cơ quan quản lý nhà nước theo quy định. Công ty đã thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ 2 lần/năm, tuy nhiên, thiếu quan trắc 02 vị trí nước mặt, môi trường đất và thiếu chỉ tiêu quan trắc không khí xung quanh và nước dưới đất. Công ty đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải cho Chi cục BVMT từ quý III/2013 đến quý II/2015.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Về nước thải*: Nước thải phát sinh trong khu công nghiệp khoảng 360 m³/ngày.đêm. Công ty đã xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m³/ngày.đêm bằng công nghệ vi sinh. Nước thải sau xử lý phải đạt QCVN 40:2011/TNMT cột A trước khi thải ra kênh tưới tiêu S7 thuộc hệ thống công trình thủy lợi Nam Đuống. Tại thời điểm thanh tra, Nhà máy xử lý nước thải của Công ty đang dừng hoạt động. Theo báo cáo của cơ sở, Nhà máy xử lý nước thải đã được xây dựng hoàn thành và đi vào vận hành chạy thử nghiệm, nhật ký vận hành chưa có đầy đủ các thông tin theo quy định. Trời không mưa, tuy nhiên đường thu gom nước mưa chảy tràn bề mặt của KCN, nước chảy thành dòng và có màu đen. Đoàn thanh tra đi dọc các điểm đầu nổi nước thải của các nhà đầu tư thứ cấp trong khu và phát hiện nhiều điểm xả nước thải có màu đen ra hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn bề mặt.

Vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 13 tháng 11 năm 2015, Đoàn thanh tra theo Quyết định nêu trên tiến hành thanh tra đột xuất công tác bảo vệ môi trường đối với Công ty. Tại thời điểm thanh tra đột xuất, trời mưa trong khoảng thời gian từ 8 giờ đến 9 giờ, Đoàn thanh tra đã đi dọc đường thu gom nước mưa chảy tràn bề mặt của KCN và thấy nước chảy thành dòng lớn có nhiều đoạn có màu đỏ, màu đục đỏ và nổi nhiều váng dầu mỡ. Đoàn thanh tra phát hiện nhiều điểm xả nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp quanh đường thu gom nước mưa chảy tràn bề mặt của KCN. Khi Đoàn thanh tra mời đại diện của các nhà đầu tư thứ cấp cùng với đại diện chủ đầu tư hạ tầng KCN để xác nhận sự việc thì các đại diện này đều không hợp tác. Tại thời điểm thanh tra, Công ty

đang vận hành một nhà máy xử lý nước để cấp nước sạch cho KCN có công suất 5.000 m³/ngày.đêm. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước cấp đang được lưu giữ trong bể chứa bùn của Công ty.

Theo Công ty báo cáo, Nhà máy xử lý nước thải tập chung của KCN đã xây dựng xong hạ tầng và đã lắp đặt một phần thiết bị, tuy nhiên chưa đầy đủ và chưa được nhà thầu chuyên giao công nghệ để vận hành. Hệ thống xử lý nước thải vận hành 05 giờ/1ngày, nước thải sau xử lý được xả từ khoảng 8 giờ 30 đến 11 giờ và từ 14 giờ đến 16 giờ hàng ngày.

- *Về bụi và khí thải*: Phát sinh không đáng kể trong quá trình hoạt động, chủ yếu từ hoạt động giao thông nội bộ trong KCN được Công ty vệ sinh. Khí, bụi thải phát sinh từ các cơ sở trong KCN do các cơ sở tự quản lý.

- *Về chất thải rắn thông thường*: Chất thải rắn thông thường phát sinh không đáng kể chủ yếu từ hoạt động của văn phòng, được thu gom và chuyên giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý.

- *Về chất thải nguy hại*: CTNH phát sinh theo báo cáo gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu và pin thải với tổng khối lượng khoảng 20kg/năm. Tại thời điểm thanh tra, Công ty chưa bố trí khu vực lưu giữ CTNH theo quy định; vỏ thùng sơn thải đang được để một góc kho của nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải, vỏ can chứa hóa chất đang để ở một góc khác của nhà điều hành HTXL nước thải, vỏ can chứa dầu nhờn đang để cạnh bể xử lý nước thải. Chất thải phát sinh từ hoạt động sửa chữa cơ khí chưa được quản lý theo quy định. Từ khi đi vào hoạt động, Công ty chưa chuyển giao CTNH.

- *Kết quả đo đạc và phân tích mẫu môi trường*:

- 01 mẫu nước thải trước hệ thống xử lý nước thải của Công ty có: COD = 164 mg/l, BOD₅ = 68,8 mg/l, S²⁻ = 0,37 mg/l, NH₄⁺_N = 10,15 mg/l, Coliform = 23 x 10³ Vi khuẩn/100ml; 01 mẫu nước thải sau HTXL của Công ty so sánh với quy chuẩn kỹ thuật QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với K_q = 0,9 và K_f = 1,1 (mẫu lấy ngày 13/10/2015), có thông số Coliform = 9300 Vi khuẩn/100ml, vượt 3,1 lần quy chuẩn kỹ thuật cho phép; 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý (mẫu lấy ngày 20/11/2015) có thông số Tổng Nitơ = 29,78 mg/l, vượt 1,5 lần, NH₄⁺_N = 13,03 mg/l, vượt 2,6 lần, Coliform = 4300 Vi khuẩn/100ml, vượt 1,4 lần quy chuẩn kỹ thuật cho phép; 02 mẫu nước trước và sau điểm xả thải của Công ty có Coliform = 11 x 10³ Vi khuẩn/100ml. 01 mẫu nước thải của Công ty trước cổng Công ty TNHH Himeji và 01 mẫu nước thải của Công ty trước cổng Công ty ITLS có Coliform = 9 x 10³ Vi khuẩn/100ml, vượt 3,0 lần. 01 mẫu nước thải của Công ty trước cổng Công ty TNHH MTV đất hiếm Việt Nam có thông số độ màu = 135 Co - Pt, vượt 2,7 lần, COD = 192 mg/l, vượt 2,6 lần, BOD₅ = 67,9 mg/l, vượt 2,3 lần, NH₄⁺_N = 8,07 mg/l, vượt 1,6 lần, Coliform = 64 x 10³ Vi khuẩn/100ml, vượt 21,3 lần, Cl⁻ = 766,8 mg/l, vượt 1,5 lần quy chuẩn kỹ thuật cho phép; 01 mẫu nước lấy tại điểm cuối của cống thoát nước mưa chảy ra mương thoát nước chung của khu vực (mẫu lấy ngày 04/11/2015) có Fe = 1,22 mg/l, vượt 1,2 lần, F⁻ = 14,33 mg/l, vượt 1,2 lần, Tổng Nitơ = 46,08, vượt 2,3 lần, NH₄⁺_N = 44,5 mg/l, vượt 8,9 lần, Coliform = 11 x 10³ Vi khuẩn/100ml, vượt 3,7 lần quy chuẩn kỹ thuật cho phép, khi so sánh với QCVN 08:2008/BTNMT cột B1 cho thấy: COD vượt 1,9 lần, BOD₅ vượt 1,4 lần, F⁻ = vượt 9,6 lần, NH₄⁺_N, vượt 89 lần; 01 mẫu nước thải sau HTXL của Công ty tại điểm xả thải ra ngoài môi trường có Tổng Nitơ = 29,78, vượt 1,5 lần, NH₄⁺_N = 13,03 mg/l, vượt 2,6 lần, Coliform = 4300 Vi khuẩn/100ml, vượt 1,4 lần quy chuẩn kỹ thuật cho phép. 01 mẫu nước lấy tại điểm cuối hệ thống thoát nước mưa trước khi chảy ra môi trường của KCN giáp Công ty TNHH MTV Đất

Hiếm Việt Nam có Tổng Nitơ = 134,6, vượt 3,4 lần, $\text{NH}_4^+ \text{--} \text{N}$ = 116,8 mg/l, vượt 11,8 lần, Coliform = 43×10^3 Vi khuẩn/100ml, vượt 8,6 lần quy chuẩn kỹ thuật cho phép, khi so sánh với QCVN 08:2008/BTNMT cho thấy COD vượt 1,7 lần, BOD_5 vượt 1,3 lần, Fe vượt 1,2 lần, $\text{NH}_4^+ \text{--} \text{N}$, vượt 70,8 lần, tổng dầu mỡ vượt 12 lần, Coliform vượt 1,5 lần quy chuẩn kỹ thuật cho phép. 01 mẫu nước lấy tại hệ thống thoát nước mưa của Công ty TNHH MTV Đất Hiếm Việt Nam đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN cho thấy các thông số đều nằm trong ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật cho phép. 01 mẫu nước lấy tại điểm xả nước vào hệ thống thoát nước mưa KCN Thuận Thành III của công ty TNHH MTV Đất Hiếm Việt Nam có Tổng Nitơ = 181,6, vượt 4,6 lần, $\text{NH}_4^+ \text{--} \text{N}$ = 151,3 mg/l, vượt 15,3 lần, Coliform = 43×10^3 Vi khuẩn/100ml, vượt 8,6 lần quy chuẩn kỹ thuật cho phép.

- *Về tình hình thực hiện các thủ tục về môi trường:* Công ty đã có báo cáo ĐTM được phê duyệt; đã có giấy phép khai thác nước dưới đất, đã có sổ chủ nguồn thải CTNH. Chưa có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, chưa lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- *Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường:* Công ty đã thực hiện đúng quy định về quản lý chất thải rắn thông thường; tuy nhiên quản lý CTNH không đúng quy định, chưa thu gom triệt để nước thải vào hệ thống xử lý đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường, chưa thực hiện đầu nối triệt để nước thải với các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN. Kết quả làm việc với Công ty và Công ty TNHH Sungwoo Vina cho thấy việc Công ty đã cho phép đầu nối hạ tầng thu gom nước thải chưa đảm bảo kỹ thuật gây rò rỉ nước thải từ hệ thống thu gom nước thải vào đường thoát nước mưa bề mặt. Công ty chưa xây dựng đầy đủ hạ tầng để đảm bảo thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ nhà đầu tư thứ cấp.

- *Các vi phạm và tồn tại:*

+ Thực hiện không đúng một trong các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt (không thu gom triệt để nước thải vào hệ thống xử lý theo quy định, còn để nước thải chảy vào đường thoát nước mưa của KCN), quy định tại Điểm i, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Thực hiện không đúng một trong các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt (không xây dựng hoàn thiện hạ tầng thu gom nước thải cho KCN), quy định tại Điểm i, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, quy định tại Điểm d, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không phân định, phân loại, xác định đúng số lượng, khối lượng chất thải nguy hại phải đăng ký và quản lý theo quy định (đối với que hàn, xỉ hàn thải); quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không thu gom triệt để chất thải nguy hại vào khu vực lưu giữ tạm thời theo quy định, quy định tại Điểm đ, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có Giấy phép quản lý chất thải nguy hại quá 12 tháng kể từ ngày phát sinh chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý, tiêu hủy theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án; chưa nghiệm thu các công trình bảo vệ môi trường theo quy định (theo báo cáo, Công ty đã

nghiệm thu, tuy nhiên nhà thầu vi phạm hợp đồng nên yêu cầu nhà thầu tiếp tục hoàn thiện), quy định tại Điểm m, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không có giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, quy định tại Điểm q, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m³/ngày (24 giờ), quy định tại Điểm i, Khoản 2, Điều 13 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Phạt tăng thêm 1% của mức phạt tiền đối với hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật nêu trên đối với thông số Tổng nitơ vượt 1,5 lần; quy định tại Khoản 5, Điều 13 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

Ngoài ra, mẫu nước thải và mẫu nước lấy tại đường thu gom nước mưa của KCN còn có nhiều thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật cho phép.

1.13. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Tùng Lâm

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Tùng Lâm (sau đây viết tắt là Công ty) có trụ sở chính tại số 25 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội; được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 041411, điều chỉnh lần thứ 8 ngày 01 tháng 02 năm 2008; được Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy phép đầu tư số 68/GPĐT-KCN-BN ngày 20 tháng 01 năm 2004 với ngành nghề kinh doanh là sản xuất phụ tùng ô tô điện và nội thất composite tại KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Công ty bắt đầu đi vào sản xuất từ năm 2007 trên diện tích 80.560,6 m² với số lượng công nhân hiện có là 120 người, công suất sản xuất các thiết bị nội thất composite đạt 6.500 sản phẩm/tháng và xe điện khoảng 20 xe/tháng. Trong quá trình sản xuất, Công ty sử dụng nguyên liệu chính gồm nhựa cao phân tử polyeste (khoảng 6,0 tấn/tháng) và thép ống định hình (khoảng 5,0 tấn/tháng); hoá chất sử dụng gồm sơn bột (khoảng 1,0 tấn/tháng) và chất tẩy dầu (khoảng 100 kg/tháng). Công ty đã xây dựng và cho 13 đơn vị thuê nhà xưởng là: Công ty TNHH S-Vina, Công ty TNHH MMT Vina, Công ty TNHH BOYD Việt Nam, Công ty TNHH Hoatech Vina, Công ty TNHH BK Tech Việt Nam, Công ty TNHH CNM KH Việt Nam, Công ty TNHH Sky Kroud Vina, Công ty TNHH Sewon Vina, Công ty TNHH Myung Tech vina, Công ty TNHH Kiwon Tools, Công ty TNHH Shu-tec, Công ty TNHH SY Tech vina và Công ty TNHH Juin Myung Hitech. Diện tích mặt bằng cho thuê là 22.800 m², tuy nhiên theo giấy chứng nhận đầu tư số 68/GCNDĐC1/21/2 ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Ban Quản lý các KCN, diện tích cho thuê là 14.400 m². Lượng nước sử dụng tại Công ty khoảng 10 m³/ngày.đêm do Công ty tự khai thác từ nguồn nước dưới đất và một phần do Chủ đầu tư hạ tầng KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn cung cấp.

Công ty đã lập Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường cho Dự án “Nhà máy cơ khí sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy và sơn tĩnh điện Tùng Lâm” và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh phê duyệt tại Quyết định số 44/QĐ-MTg ngày 15 tháng 12 năm 2004; đã được Sở Tài nguyên và môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH) số 27.000259T ngày 31 tháng 8 năm 2011; không có báo cáo tình hình phát sinh CTNH; chưa có giấy phép khai thác nước dưới đất theo quy định; chưa có hợp đồng đầu nối với chủ đầu tư hạ tầng KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn; không thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ theo cam kết trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được phê duyệt.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Nước thải*: Nước thải sinh hoạt có khối lượng khoảng 10 m³/ngày.đêm được xử lý sơ bộ qua hệ thống bể phốt và được thải ra ngoài môi trường, chưa ký hợp đồng đấu nối với chủ hạ tầng KCN. Công ty chưa xây dựng hệ thống thu gom nước mưa và nước thải riêng biệt; nước thải phát sinh từ các cơ sở hoạt động thuê nhà xưởng của Công ty do các cơ sở tự quản lý, một số cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải; phần lớn nước thải sinh hoạt được thu gom vào hệ thống bể phốt để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- *Khí thải*: phát sinh chủ yếu là hơi dung môi phát sinh từ phân xưởng sản xuất bàn ghế composit, chưa được Công ty thu gom, xử lý. Xưởng sản xuất sơn tĩnh điện đã có hệ thống xử lý khí thải xyclon và hấp thụ.

- *Chất thải rắn thông thường*: phát sinh chủ yếu là chất thải công nghiệp gồm kim loại vụn, giấy vụn, vải và phế liệu nhựa được bán cho Công ty cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp (Urenco) và một số cá nhân để tái chế. Rác thải sinh hoạt phát sinh ít được Công ty gom vào bãi rác tạm của xã Hoàn Sơn.

- *Chất thải nguy hại*: Công ty đã đăng ký Sổ chủ nguồn thải CTNH vào 31 tháng 8 năm 2011 với 08 mã bao gồm: Sơn thải, nhựa Composite, găng tay, giẻ lau dính dầu, vỏ thùng chứa hóa chất, vỏ thùng sơn thải, bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy thải và dầu mỡ thải. Công ty đã ký hợp đồng chuyển giao và xử lý với Công ty cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp (Urenco 10) với 3 mã CTNH (Sơn thải, nhựa Composite và giẻ lau dính dầu). Ngày 02 tháng 10 năm 2015, Công ty ký hợp đồng chuyển giao cho Công ty Cổ phần Thương mại và đầu tư Dujun và Công ty cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp (Urenco 11) xử lý 5 mã CTNH mà Công ty đã đăng ký trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải. Tuy nhiên Công ty chưa chuyển giao lần nào từ khi đi vào hoạt động. Tại thời điểm thanh tra, Công ty đã bố trí lưu giữ tạm thời CTNH, tuy nhiên chưa có tên, mã CTNH, biển báo dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa, khu lưu giữ không có CTNH mà chỉ có 02 thùng phuy trong khu lưu giữ.

- *Kết quả đo đạc và phân tích mẫu môi trường*:

+ Kết quả đo đạc và phân tích 01 mẫu: Nước thải từ nhà vệ sinh công ty Sewon Vina thải ra hồ ga nước mưa của Công ty, so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT, cột B có thông số pH = 9,6 nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn cho phép; nước thải sau HTXL của Công ty Sewon Vina có thông số pH = 10,8 nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật cho phép;

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu bùn thải của HTXL nước thải của Công ty Sewon Vina, so sánh với QCVN 50:2013/BTNMT cho thấy các thông số đều đạt quy chuẩn cho phép.

- *Về tình hình thực hiện các thủ tục về môi trường*: Công ty đã có Bản cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt; đã có sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH; chưa có báo cáo tình hình phát sinh CTNH; chưa có giấy phép khai thác nước dưới đất theo quy định và chưa có hợp đồng đấu nối với chủ đầu tư hạ tầng KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn

- *Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường*: Công ty đã thực hiện đúng quy định về quản lý chất thải rắn thông thường; tuy nhiên quản lý CTNH không đúng quy định; chưa có biện pháp xử lý nước thải, khí thải trước khi thải ra môi trường.

- *Các vi phạm và tồn tại*:

+ Không có báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định, quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 12 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

- + Không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định; quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;
- + Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, quy định tại Điểm d, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;
- + Không thu gom triệt để chất thải nguy hại vào khu vực lưu giữ tạm thời theo quy định, quy định tại Điểm đ, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;
- + Không có biện pháp phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ hoạt động của mình gây ra, quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 12 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;
- + Không thực hiện chế độ báo cáo và quan trắc môi trường theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 12 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;
- + Không có đủ phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ, phân loại chất thải rắn tại nguồn; để rò rỉ, phát tán khí thải, hơi, khí độc hại ra môi trường, quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 12 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;
- + Không có hệ thống xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 12 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;
- + Không chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có Giấy phép quản lý chất thải nguy hại quá 12 tháng kể từ ngày phát sinh chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý, tiêu hủy theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;
- + Xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m³/ngày (24 giờ), quy định tại Điểm a, Khoản 6, Điều 14 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;
- + Trì hoãn không thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Công ty chưa chấp hành Quyết định xử phạt số 104/QĐ-XPHC ngày 13 tháng 10 năm 2011 xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường đối với Công ty và Kết luận thanh tra số 340/KLTTr-TCMT ngày 20 tháng 10 năm 2011), quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 49 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

Ngoài ra, Công ty không có hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa và diện tích cho thuê nhà xưởng vượt so với đăng ký trong Giấy chứng nhận đầu tư.

1.14. Công ty Cổ phần Hanacans

Công ty Cổ phần Hanacans (sau đây viết tắt là Công ty) có địa chỉ tại KCN Hanaka, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 2300372796, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 11 tháng 7 năm 2014 với loại hình sản xuất là vỏ lon nhôm hai mảnh và bao bì kim loại, công suất 4.300 tấn/năm. Công ty bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2007, diện tích mặt bằng sản xuất là 20.584 m² với số lượng cán bộ công nhân viên 250 người; nguyên liệu sử dụng gồm: nhôm tấm (400 kg/tháng), dầu bôi trơn (1,2 tấn/tháng), sơn phủ trong 13 (tấn/tháng), ga (50 tấn/tháng); hóa chất sử dụng gồm: NaOH (1.977 kg), HCl (1.512 kg), Cl-L450 CSG (2.057 kg), H₂SO₄ (394 kg), Lime (1.225kg), CT-N405 RG (3.006 kg), Muối (1000kg),... lượng nước sử dụng khoảng 160 m³/ngày.đem từ nguồn nước ngầm.

Công ty có Quyết định số 96/QĐ-TNMT ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho Dự án “Mở rộng sản xuất vỏ lon, sản xuất nắp lon hoàn thiện đối với các lon giải khát bằng nhôm” (thay thế Quyết định số 79/QĐ-TNMT ngày 18/12/2013 của

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án “Mở rộng nhà máy sản xuất của Công ty Cổ phần Rexam Hanacans với công suất 1,25 tỉ lon/năm”; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH) mã số 27.000295.T ngày 08 tháng 6 năm 2015; đã có báo cáo tình hình phát sinh và quản lý CTNH, tuy nhiên theo báo cáo một số loại CTNH đăng ký phát sinh trong Sổ chủ nguồn thải chưa chuyên giao (các mã CTNH: 18 01 02; 18 01 03; 07 03 11; 07 04 02; 12 01 04; 07 01 09; 08 02 04...); đã được UBND tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy phép khai thác nước dưới đất số 1099/GPKT-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2012; đã được UBND tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi số 841/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2013; chưa lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án theo quy định và gửi cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường để được kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức; đã thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ, tuy nhiên thiếu chỉ tiêu quan trắc nước thải (NH_4^+ , dầu mỡ thực vật, độ màu; đã kê khai và nộp phí BVMT đối với nước thải đến hết quý 3 năm 2014.

Tại thời điểm thanh tra, Công ty có 01 xưởng sửa chữa cơ khí đang hoạt động trong khuôn viên, tuy nhiên nội dung này không có trong báo cáo ĐTM được phê duyệt. Các chất thải phát sinh từ hoạt động này chưa được phân định, phân loại để đăng ký quản lý theo quy định; 01 dây chuyền sản xuất nắp lon đang vận hành thử nghiệm, tuy nhiên chưa có thông báo bằng văn bản đến cơ quan đã phê duyệt báo cáo ĐTM về kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải phục vụ giai đoạn vận hành trước khi tiến hành thử nghiệm.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Nước thải*: phát sinh gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất trung bình khoảng 250 m³/ngày.đêm được xử lý qua 02 hệ thống xử lý nước thải, Công ty cam kết nước thải sau xử lý đạt QCVN 40/2011/BTNMT cột A, sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom chung của khu công nghiệp.

- *Khí thải*: Chủ yếu phát sinh từ lò hơi gas của máy rửa lon, hệ thống chụp hút và lò sấy của máy in nhãn lon, máy phun lớp phủ trong lon và lò sấy lớp phủ trong lon. Khí thải được thu gom vào 06 ống khói cao khoảng 14 m và thải ra môi trường.

- *Chất thải rắn thông thường*: Gồm rác thải sinh hoạt, giấy bìa carton bọc coil nhôm, giấy nilon phát sinh khoảng 30 m³/tháng được Công ty ký hợp đồng số 140913/RXH-GS ngày 19 tháng 09 năm 2013 với Công ty TMDV và môi trường Ngôi Sao Xanh thu gom và xử lý. Nhôm ép phế liệu được chuyển giao cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 tại tỉnh Long An khoảng 160 tấn, Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thái Thịnh tại Bắc Ninh 195 tấn và Công ty Yangsin Việt Nam.

- *Chất thải nguy hại*: Gồm găng tay, giẻ lau dính dầu (810 kg/tháng), dầu thải từ quá trình gia công tạo hình (4.000 kg/tháng), bùn thải từ HTXL nước thải (10.000 kg/tháng) được chuyển giao cho Công ty TMDV và môi trường Ngôi Sao Xanh thu gom và xử lý; hóa chất rửa lon (900 kg/tháng) được Công ty tự xử lý; theo chứng từ chuyển giao CTNH, trong 9 tháng đầu năm 2015, Công ty đã chuyển giao cho Công ty TMDV và môi trường Ngôi Sao Xanh 10.854 kg giẻ lau dính dầu, 37.000 kg dầu thải lẫn nước và 77.000 kg bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải. Tại thời điểm thanh tra, dầu thải được lưu giữ trong khu vực lọc dầu và chuyển giao luôn cho Công ty TMDV và

môi trường Ngôi Sao Xanh; cao su dính mực in thải, vật liệu dính dầu từ hoạt động của xưởng sửa chữa cơ khí chưa được phân loại để đăng ký quản lý.

- *Kết quả đo đạc và phân tích mẫu môi trường:*

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước thải tại điểm cuối hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường của Công ty, so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,0$ có thông số Coliform = 5000 vi khuẩn/100ml vượt 1,7 lần quy chuẩn cho phép.

+ Kết quả đo đạc và phân tích 01 mẫu không khí làm việc tại khu vực sấy lon, so sánh với TCVN ban hành kèm theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động cho thấy các thông số đều đạt tiêu chuẩn cho phép.

+ Kết quả đo đạc và phân tích 01 mẫu chất thải rắn từ công đoạn gia công tạo hình (mẫu lấy ngày 16/10/2015), so sánh với QCVN 07:2009/BTNMT cho thấy các thông số đều nằm trong ngưỡng quy chuẩn cho phép.

- *Về tình hình thực hiện các thủ tục về môi trường:* Công ty đã có báo cáo ĐTM được phê duyệt; đã có giấy phép khai thác nước dưới đất; đã có giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; đã có sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH và báo cáo định kỳ quản lý CTNH; chưa lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án theo quy định và gửi cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường để được kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

- *Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường:* Công ty đã có hệ thống xử lý nước thải; đã có hệ thống thu gom khí thải; thực hiện đúng quy định về quản lý chất thải rắn thông thường, tuy nhiên quản lý CTNH không đúng theo quy định.

- *Các vi phạm và tồn tại:*

+ Thực hiện không đầy đủ chương trình quan trắc, giám sát môi trường theo quy định, quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

+ Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, quy định tại Điểm d, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không phân định, phân loại, xác định đúng số lượng, khối lượng chất thải nguy hại phải đăng ký và quản lý theo quy định (đối với que hàn, xỉ hàn thải); quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

+ Không thu gom triệt để chất thải nguy hại vào khu vực lưu giữ tạm thời theo quy định, quy định tại Điểm đ, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

+ Không lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án theo quy định và gửi cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường để được kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức, quy định tại Điểm p, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Thực hiện không đúng một trong các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, quy định tại Điểm i, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

Ngoài ra, Công ty chưa có thông báo bằng văn bản đến cơ quan đã phê duyệt báo cáo ĐTM về kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải phục vụ giai đoạn vận hành trước khi tiến hành thử nghiệm.

1.15. Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Sơn Linh

Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Sơn Linh (sau đây viết tắt là Công ty) có địa chỉ tại khu công nghiệp (KCN) Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Tri Phương, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 21221.000348 đăng ký ngày 07 tháng 3 năm 2011 với loại hình sản xuất là gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, công suất 8.000 tấn/năm. Công ty bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2012 và hoạt động chính thức năm 2013, Công ty có diện tích mặt bằng sản xuất 11.234 m² với số lượng cán bộ công nhân viên 45 người; hóa chất sử dụng gồm: HCl, H₂SO₄ (255.700 kg), NH₄Cl 8000 kg), ZnCl₂ (12.650 kg), Al₂(SO₄)₃ (800kg), PAC 30% (200kg); nguyên vật liệu sản xuất gồm: kẽm thỏi (737.931 kg), kẽm hợp kim (985kg), nhiên liệu sử dụng gồm dầu (42.619 lít), than (619.540 kg); lượng nước sử dụng khoảng 30m³/ngày.đêm từ nguồn nước ngầm.

Công ty có Quyết định số 21/QĐ-BQL ngày 13 tháng 02 năm 2012 của Ban Quản lý khu công nghiệp phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho Dự án “Nhà máy gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại”; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số 27.000416.T ngày 28 tháng 11 năm 2013; đã có báo cáo tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại; chưa có Giấy phép khai thác nước dưới đất; đã thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ, tuy nhiên thiếu chỉ tiêu quan trắc nước thải khí thải, không khí lao động và xung quanh, thiếu tần suất quan trắc nước thải, khí thải.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Nước thải*: Trong quá trình hoạt động sản xuất, nước thải bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất trung bình khoảng 30 m³/ngày.đêm được xử lý qua bể xử lý: trung hòa, lắng lọc, Công ty cam kết nước thải sau xử lý đạt QCVN 40/2011/BTNMT cột B, sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom chung của khu công nghiệp. Tại thời điểm thanh tra, đường thu gom nước mưa chảy tràn bề mặt có nước chảy thành dòng, nổi váng và có màu đục (trời không mưa). Mặt sàn khu vực xử lý nước thải nước đang chảy tràn vào đường thoát nước mưa. Khi tiến hành đo pH kết quả cho thấy pH = 4,5 vượt ngưỡng quy định cho phép về chất lượng nước thải. Công ty không có nhật ký vận hành xử lý nước thải.

- *Khí thải*: Chủ yếu phát sinh từ lò đốt than và bể mạ. Khí thải phát sinh từ lò đốt than và dầu được thu gom vào hệ thống ống khói cao 15m tuy nhiên Công ty không có nhật ký vận hành hệ thống xử lý khí thải và không có vị trí quan trắc khí thải. Theo báo cáo của công ty khí thải từ bể mạ có hệ thống quạt hút, thu gom qua than hoạt tính và thải ra ngoài môi trường. Theo chứng từ CTNH năm 2014, công ty đã thay than hoạt tính 01 lần từ hệ thống xử lý khí thải với khối lượng là 120kg.

- *Chất thải rắn thông thường*: Chất thải sinh hoạt không được chuyển giao cho đơn vị có chức năng. Đầu mẫu sắt thép, xỉ than, vụn kẽm, phát sinh theo sổ đăng ký khoảng 81.000 kg/năm được Công ty bán cho các đầu mối thu gom phế liệu và không có hợp đồng chuyển giao.

- *Chất thải nguy hại (CTNH)*: Theo sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, các loại CTNH gồm: găng tay, giẻ lau dính dầu (50 kg/tháng); dầu thải hóa chất, hộp đựng sơn (100 kg/năm), cặn sơn thải (05kg/năm), bùn thải từ HTXL nước thải (100.000 kg/năm), hóa chất thải bỏ (30kg/năm), than hoạt tính (80kg/năm) được chuyển giao cho Công ty

Cổ phần môi trường đô thị và Công nghiệp Urenco11 thu gom và xử lý; theo chứng từ chuyên giao CTNH năm 2014, Công ty đã chuyên giao: 250 kg giẻ lau dính dầu, 100 kg cặn sơn thải, 180kg hộp đựng sơn hóa chất, 120 kg than hoạt tính và 88,98 m³ bùn thải từ HTXL nước thải. Theo chứng từ này, khối lượng đã chuyên giao vượt quá khối lượng đăng ký điều chỉnh sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH. Tại thời điểm thanh tra, Công ty còn phát sinh một số loại chất thải khác như vật liệu như sắt thép, cao su dính dầu, mỡ thải, xỉ hàn, đầu mẫu que hàn, nước thải nhiễm axit. Trong hợp đồng chuyên giao CTNH số 149/HĐCN ngày 02/5/2015 có chuyên giao nước thải công nghiệp sau xử lý tuy nhiên từ khi đi vào hoạt động công ty chưa chuyên giao lần nào; đã có khu lưu giữ CTNH.

- *Kết quả đo đạc và phân tích mẫu môi trường:*

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước thải trước khi xử lý có các thông số pH = 2,6 thấp hơn ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật cho phép, COD = 400 mg/l, BOD₅ = 136, Pb = 2,567 mg/l, Cd = 0,1169 mg/l, Zn = 596,84 mg/l, Fe = 1998,62 mg/l, Cr³⁺ = 1,71 mg/l, Mn = 16,92 mg/l, Ni = 0,562 mg/l, Coliform = 64.000 vi khuẩn/100ml; mẫu nước thải sau hệ thống xử lý, so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với hệ số K_q = 0,9, K_f = 1,2 có các thông số pH = 4,4 thấp hơn ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật cho phép; COD = 216 mg/l, vượt **1,3** lần; BOD₅ = 71,3 vượt **1,3** lần; Cd = 0,4019 mg/l vượt **3,7** lần; Zn = 24,94 mg/l vượt **7,7** lần; Mn = 76,14 mg/l vượt **70,5** lần; Ni = 1,968 mg/l vượt **3,6** lần; Tổng N = 126,7 mg/l vượt **2,9** lần; Coliform = 23.000 vi khuẩn/100ml vượt **4,6** lần quy chuẩn cho phép; mẫu nước thải lấy tại hố ga nước mưa cạnh khu xử lý NT của Công ty có các thông số pH = 4,5 nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn cho phép; COD = 222 mg/l, vượt **1,4** lần; BOD₅ = 73,6 vượt **1,4** lần; Pb = 3,605 mg/l vượt **6,7** lần; Cd = 0,1705 mg/l vượt **1,6** lần; Zn = 73,1 mg/l vượt **22,6** lần; Fe = 1203,29 mg/l vượt **222,8** lần; Cr⁶⁺ = 0,652 mg/l vượt **6,0** lần; Cr³⁺ = 3,51 mg/l vượt **3,3** lần; Mn = 16,75 mg/l vượt **15,5** lần; Tổng N = 76,72 mg/l vượt **1,8** lần; Coliform = 21.000 vi khuẩn/100ml vượt **4,2** lần quy chuẩn cho phép; mẫu nước thải lấy tại hố ga nước mưa cạnh khu văn phòng của Công ty có các thông số Zn = 26,77 mg/l vượt **8,3** lần; Fe = 44,6 mg/l vượt **8,2** lần; Mn = 2,6 mg/l vượt **2,4** lần; S²⁻ = 0,71 mg/l vượt **1,3** lần; Tổng N = 59,49 mg/l vượt **1,4** lần; NH₄⁺_N = 51,25 mg/l vượt **4,7** lần; Coliform = 23.000 vi khuẩn/100ml vượt **4,6** lần quy chuẩn cho phép; mẫu nước thải lấy tại hố ga nước mưa trước khi đầu nối với HT thu gom nước mưa có các thông số Zn = 27,35 mg/l vượt **8,4** lần; Fe = 87,26 mg/l vượt **16,2** lần; Mn = 3,13 mg/l vượt **2,9** lần; S²⁻ = 0,87 mg/l vượt **1,6** lần; NH₄⁺_N = 27,82 mg/l vượt **2,6** lần; Coliform = 21.000 vi khuẩn/100ml vượt **4,2** lần quy chuẩn cho phép;

+ Kết quả đo đạc và phân tích 02 mẫu không khí làm việc tại khu vực sản xuất trước khi mạ và khu vực sản xuất sau khi mạ, so sánh với TCVN ban hành kèm theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động cho thấy các thông số đều đạt tiêu chuẩn cho phép;

+ Kết quả đo đạc và phân tích 01 mẫu khí thải tại lò hơi đốt than, so sánh với QCVN 19:2009/BTNMT cột B với hệ số K_p = 1, K_v = 1 cho thấy các thông số đều đạt quy chuẩn cho phép;

+ Kết quả đo đạc và phân tích 01 mẫu bùn thải tại điểm đầu nối nước thải, so sánh với QCVN 50:2013/BTNMT cho thấy các thông số đều đạt quy chuẩn cho phép.

- *Về tình hình thực hiện các thủ tục về môi trường:* Công ty đã có báo cáo ĐTM được phê duyệt, đã có sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, báo cáo định kỳ quản lý CTNH; chưa có giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi

trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, chưa có giấy phép khai thác nước dưới đất và thực hiện chương trình giám sát môi trường chưa đúng theo quy định.

- *Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường:* Công ty chưa báo cáo về tình hình quản lý chất thải rắn thông thường theo quy định; quản lý CTNH không đúng quy định; đã có hệ thống xử lý nước thải, tuy nhiên chưa đảm bảo xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, chưa thu gom triệt để nước thải vào hệ thống xử lý theo quy định, quản lý khí thải không đúng theo quy định.

- *Các vi phạm và tồn tại:*

+ Thực hiện không đầy đủ chương trình quan trắc, giám sát môi trường theo quy định, quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

+ Không có giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, quy định tại Điểm q, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không phân định, phân loại, xác định đúng số lượng, khối lượng chất thải nguy hại phải đăng ký và quản lý theo quy định; quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Thực hiện không đúng một trong các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt (Không báo cáo về tình hình quản lý chất thải rắn thông thường theo quy định; không thu gom triệt để nước thải vào Hệ thống xử lý theo quy định, còn để nước thải chảy vào đường thoát nước mưa của KCN; vận hành không đúng quy trình các công trình xử lý chất thải), quy định tại Điểm i, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án; chưa nghiệm thu các công trình bảo vệ môi trường theo quy định, quy định tại Điểm m, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 40 m³/ngày (24 giờ), quy định tại Điểm d, Khoản 4, Điều 13 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

- Phạt tăng thêm 1% của mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này đối với mỗi thông số COD, BOD₅, Cd, Tổng N; phạt tăng thêm 2% đối với thông số Cr³⁺; phạt tăng thêm 3% đối với mỗi thông số Pb, Cr⁶⁺; phạt tăng thêm 4% đối với mỗi thông số Zn, Mn, quy định tại Khoản 5, Điều 13 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP. Tổng mức phạt tăng thêm là 21% tương ứng với mức phạt tiền từ 46.410.000 đồng đến 50.400.000 đồng.

1.16. Công ty Cổ phần cáp điện Hanaka - Korea

Công ty Cổ phần cáp điện Hanaka - Korea (sau đây viết tắt là Công ty) thuộc Công ty Cổ phần tập đoàn Hanaka hoạt động từ năm 2007 trên tổng diện tích đất là 43360m² tại KCN Hanaka theo Giấy chứng nhận đầu tư số 211031000112 được UBND tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12 tháng 8 năm 2009, chứng nhận thay đổi lần 01 ngày 15 tháng 12 năm 2009, với ngành nghề kinh doanh là sản xuất cáp điện. Sản phẩm chính là Cáp trung thế, cáp trần, cáp ABC. Tổng số lượng công nhân viên hiện là 180 người; nguyên liệu sử dụng gồm: đồng nguyên liệu 250 tấn/tháng, nhôm nguyên liệu 135 tấn/tháng, nhựa PVC 200 tấn/tháng, sợi độn 12 tấn/tháng, băng vải 6 tấn/tháng, băng thép 60 tấn/tháng; nhiên liệu sử dụng là dầu DO, dầu thủy lực, điện; hóa chất sử dụng là mực in; lượng nước sử dụng trung bình là 18m³/ngày đêm, chủ yếu dùng cho sinh hoạt.

Công ty đã có đề án bảo vệ môi trường chi tiết được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh phê duyệt tại Quyết định số 19/QĐ-TNMT ngày 11 tháng 02 năm 2010 đối với Công ty Cổ phần cáp điện Hanaka Iljin; đã được Sở Tài nguyên và môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH) số 27.000301T ngày 30 tháng 5 năm 2012; không có báo cáo tình hình phát sinh và quản lý CTNH; đã có giấy phép khai thác nước dưới đất; chưa có hợp đồng đầu nối với chủ đầu tư hạ tầng KCN (KCN chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung); đã thực hiện giám sát môi trường theo quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường, tuy nhiên chưa đúng theo cam kết trong đề án bảo vệ môi trường chi tiết; đã đóng phí bảo vệ môi trường hết quý II năm 2015.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Nước thải*: phát sinh khoảng 12 m³/ngày đêm, chủ yếu là nước thải sinh hoạt phát sinh ra từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, được xử lý qua hệ thống bể tự hoại sau đó thải vào hệ thống thu gom chung của khu công nghiệp.

- *Khí thải*: phát sinh chủ yếu từ công đoạn gia nhiệt nhựa để bọc dây điện, chưa được Công ty thu gom, xử lý; bụi phát sinh từ quá trình rút chưa có biện pháp giảm thiểu.

- *Chất thải rắn thông thường*: chất thải rắn thông thường phát sinh tại Công ty chủ yếu là chất thải công nghiệp gồm đồng, gỗ, nhôm, giấy... được Công ty bán cho tư nhân.

- *Chất thải nguy hại (CTNH)*: Phát sinh theo đăng ký trong sổ chủ nguồn thải CTNH gồm 10 mã bao gồm nhũ tương rút đồng, dầu rút nhôm, vỏ hộp mực in, bóng đèn huỳnh quang, dầu thủy lực tổng hợp thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, phi rỗng, thùng phuy, giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy, được Công ty ký hợp đồng chuyển giao cho Công ty cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp (Urenco 10) vận chuyển và xử lý. Năm 2015 Công ty đã chuyển giao 01 lần với 03 mã CTNH bao bì cứng thải bằng kim loại thải, giẻ lau dính dầu, dầu rút nhôm. Tuy nhiên chúng tôi không rõ liên quản lý. Công ty không cung cấp được chứng từ chuyển giao CTNH năm 2014 và lượng chất thải phát sinh lưu tại kho không thể hiện việc lưu giữ lượng CTNH này. Tại thời điểm thanh tra, Công ty đã bố trí khu lưu giữ tạm thời CTNH, tuy nhiên chưa có tên, mã CTNH, biển báo dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa, chưa có ô lưu giữ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường, chất thải chưa được phân loại triệt để đang được để chung trong các thùng chứa, dầu, mỡ đang để rơi vãi ra sàn nhà xưởng, sàn khu vực lưu giữ CTNH, bông thủy tinh cách nhiệt đang để rơi vãi quanh lò nấu đồng và chưa được đăng ký quản lý trong sổ chủ nguồn thải CTNH, chất thải nguy hại đang được để nhiều nơi trong khuôn viên của Công ty. Công nhân đang làm việc tại các vị trí không tuân thủ quy định về an toàn lao động.

- *Kết quả đo đạc và phân tích mẫu môi trường*:

Mẫu nước thải sinh hoạt lấy tại điểm đầu nối với hệ thống thu gom chung của KCN có các thông số $F^- = 16,5 \text{ mg/l}$; $NH_4^+ \text{-N} = 13,68 \text{ mg/l}$; Coliform = 11.000 vi khuẩn/100ml.

- *Về tình hình thực hiện các thủ tục về môi trường*: Công ty đã có đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt; chưa có văn bản báo cáo cơ quan đã xác nhận đề án bảo vệ môi trường về việc hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định; đã thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ; đã có phép khai thác nước dưới đất; đã có sổ chủ nguồn thải CTNH, tuy nhiên chưa có báo cáo định kỳ quản lý CTNH.

- Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường: Công ty đã thực hiện đúng quy định về quản lý chất thải rắn thông thường; tuy nhiên quản lý CTNH không đúng quy định; đã có biện pháp quản lý nước thải, chưa có biện pháp xử khí thải trước khi thải ra môi trường.

- Các vi phạm và tồn tại:

+ Không có văn bản báo cáo cơ quan đã xác nhận đề án bảo vệ môi trường về việc hoàn thành các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 11 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Nghị định số 179/2013/NĐ-CP);

+ Thực hiện không đầy đủ một trong các nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận, quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 11 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không thực hiện kê khai và sử dụng chứng từ chất thải nguy hại theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không phân định, phân loại, xác định đúng số lượng, khối lượng chất thải nguy hại phải đăng ký và quản lý theo quy định; quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không đóng gói, bảo quản chất thải nguy hại theo chủng loại trong các bao bì chuyên dụng hoặc thiết bị lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, quy định tại Điểm c, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, quy định tại Điểm d, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không thu gom triệt để chất thải nguy hại vào khu vực lưu giữ tạm thời theo quy định, quy định tại Điểm đ, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có Giấy phép quản lý chất thải nguy hại quá 12 tháng kể từ ngày phát sinh chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý, tiêu hủy theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

1.17. Công ty TNHH Flexcom Việt Nam

Công ty TNHH Flexcom Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty) có địa chỉ tại Cụm công nghiệp đa nghề Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, được Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ nhất số 21112.000089, ngày 25 tháng 01 năm 2014, trên diện tích 38.400 m² với 1.900 cán bộ, công nhân viên. Công ty bắt đầu hoạt động thử nghiệm từ tháng 11 năm 2013 và đi vào vận hành chính thức từ tháng 02 năm 2014, chuyên sản xuất và kinh doanh bảng mạch điện tử dạng dẻo công suất thiết kế là 40.000 m²/năm (9 tháng đầu năm 2015 sản xuất 24.000 m²). Nguyên liệu gồm: Đồng cuộn (2.650 m²/tháng), phim tạo mạch (22.300 m²/tháng), Shiel (4.900 m²/tháng), Coverlay-BN96-Roll (1.100 m²/tháng); nhiên liệu chủ yếu là điện; hoá chất gồm Axit Clohydric 30% (30.200 kg/tháng), Hydrogen peroxide 35% (9.400 kg/tháng), Axit Sunfuric 96-98% (900 kg/tháng), Natri hydroxit 99% (900 kg/tháng), Axit Sunfuric 95% (9.667 L/tháng), Axit nitric 68% (1.200 kg/tháng), DX-45 19L/can (2.400 L/tháng), DFS-4522 20L/can (2.200 L/tháng), Formaldehyde 30%/25KG PDRD (1000 kg/tháng)... ; lượng nước sử dụng khoảng 1.600 m³/ngày.đêm được mua từ nhà máy nước của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Bắc Ninh, Công ty CP đầu tư địa ốc Sông Hồng.

Công ty đang cho các Công ty khác thuê nhà xưởng để sản xuất: Công ty TNHH Nanosys Việt Nam, Công ty TNHH Dawon Việt Nam, Công ty TNHH Mechanic Việt Nam, Công ty TNHH Công nghệ SP Việt Nam, Công ty TNHH Sumit System Việt Nam, Công ty TNHH tiêu chuẩn kỹ thuật Leeno Vina, Công ty TNHH New Cir cuit Việt Nam, Công ty TNHH World system Vina. Công ty đang đứng tên để làm thủ tục môi trường cho tất cả các công ty đang thuê nhà xưởng của Công ty. Tuy nhiên, theo xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp đa nghề Đông Thọ, Cụm công nghiệp không cho Công ty thuê đất để cho các Công ty khác thuê lại, đất chỉ được cho Công ty thuê để thực hiện các dự án do Công ty làm chủ đầu tư.

Công ty đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bảng mạch điện tử dạng dẻo” và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh phê duyệt tại Quyết định số 04/QĐ-TNMT ngày 15 tháng 01 năm 2013; đã được Chi cục bảo vệ môi trường xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 10/XN-MTg ngày 02 tháng 4 năm 2015 cho dự án; đã có báo cáo tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại; đã được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số 27.000485.T ngày 11 tháng 06 năm 2014; đã thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ; đã kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường hết năm 2014, theo báo cáo Công ty đã nộp phí cho quý IV của năm 2014, tuy nhiên vẫn nhận được công văn của Chi cục bảo vệ môi trường yêu cầu nộp cho quý IV của năm 2014, vì vậy Công ty chưa đóng tiền phí của quý I và II của năm 2015; đã có Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 434/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2015.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Nước thải*: nước thải phát sinh khoảng 1.350 m³/ngày.đêm chủ yếu từ hoạt động sản xuất, được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất và sinh hoạt, nước thải sinh hoạt sau xử lý được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải sản xuất để tiếp tục xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường tại 01 điểm xả, điểm tiếp nhận nước thải là Bờ hữu kênh tiêu Đông Thọ 1. Nước thải ra của Công ty cam kết đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A.

- *Khí thải*: khí thải phát sinh trong hoạt động sản xuất của Công ty chủ yếu từ quá trình sản xuất của các công đoạn: Mạ vàng, Mạ đồng, Wetline, PSR và khoan CNC. Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý khí thải tại các công đoạn này. Có hai hệ thống xử lý khí thải được xây dựng: xử lý khí thải bằng phương pháp hấp thụ NaOH và phương pháp hấp phụ bằng than hoạt tính.

Tại thời điểm thanh tra, chỉ có 01/23 máy của phòng lộ quang hoạt động, mỗi máy lộ quang đã bố trí 01 đường ống thoát nhiệt, tuy nhiên hệ thống thoát nhiệt này không có trong hồ sơ môi trường đã được phê duyệt; 04/05 dây truyền tại phòng Wetline đang hoạt động; dây truyền mạ đồng bằng hóa chất, dây truyền mạ vàng không hoạt động.

Khí thải phát sinh từ công đoạn khắc axit, mạ đồng, mạ vàng được thu gom về hệ thống xử lý bằng phương pháp hấp thụ, dung dịch hấp thụ là NaOH; khí thải phát sinh từ công đoạn PRS được thu gom về hệ thống xử lý bằng phương pháp hấp phụ bằng than hoạt tính.

- *Chất thải rắn thông thường*: gồm Chất thải công nghiệp thông thường (34.047 kg/tháng), nước thải nhà vệ sinh, bia carton, xốp,... được Công ty thu gom ra khu lưu giữ tạm thời và chuyển giao cho Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 10, Công ty TNHH Anh Tường để vận chuyển và xử lý. Giấy dính nhựa khoảng

114.800 được chuyển giao cho Công ty Cổ phần môi trường Việt hàn - Viko để vận chuyển và xử lý.

- *Chất thải nguy hại*: gồm các loại bùn thải từ quá trình tẩy rửa bề mặt kim loại, bùn thải từ quá trình xử lý nước thải, bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa thành phần nguy hại, bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa thành phần nguy hại, giẻ lau dính dầu... Tại thời điểm thanh tra, một số loại CTNH nguy hại khác như giẻ lau dính hóa chất, hóa chất thải (CuCl_2), sắt thép dính dầu mỡ, bụi thu gom từ hệ thống lọc bụi của công đoạn khoan CNC chưa được phân định, phân loại để quản lý, tại khu vực xử lý nước thải có lưu giữ khoảng 15 tấn; khu lưu giữ CTNH chỉ bố trí để lưu giữ 06 loại CTNH, các loại CTNH khác phát sinh chưa được thu gom về khu giữ tạm thời, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải đang lưu giữ tại khu vực xử lý nước thải. CTNH đã có tên, chưa có mã CTNH và biển báo dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa.

- *Về tình hình thực hiện các thủ tục về môi trường*: Công ty đã có báo cáo ĐTM được phê duyệt; đã có xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; đã có sổ chủ nguồn thải CTNH, đã có báo cáo tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại tuy nhiên chưa đúng số lượng và khối lượng CTNH phát sinh; đã thực hiện chương trình giám sát môi trường.

- *Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường*: Công ty đã thực hiện đúng quy định về quản lý chất thải rắn thông thường; tuy nhiên quản lý CTNH không đúng quy định; đã có biện pháp xử lý nước thải, khí thải trước khi thải ra môi trường.

- *Các vi phạm và tồn tại*:

+ Khai báo không trung thực theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (chưa báo cáo đầy đủ các hạng mục có tác động đến môi trường để cam kết quản lý trong báo cáo ĐTM - công đoạn lộ quang); quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 49 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Nghị định số 179/2013/NĐ-CP);

+ Thực hiện không đúng theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt (cho thuê nhà xưởng của giai đoạn mở rộng), quy định tại Điểm i, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, quy định tại Điểm d, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không phân định, phân loại, xác định đúng số lượng, khối lượng chất thải nguy hại phải đăng ký và quản lý theo quy định (đôi với que hàn, xỉ hàn thải); quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không thu gom triệt để chất thải nguy hại vào khu vực lưu giữ tạm thời theo quy định, quy định tại Điểm đ, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có Giấy phép quản lý chất thải nguy hại quá 12 tháng kể từ ngày phát sinh chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý, tiêu hủy theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

1.18. Công ty TNHH Sơn tĩnh điện Bình Nam

Công ty TNHH Sơn tĩnh điện Bình Nam (sau đây viết tắt là Công ty) có địa chỉ tại khu công nghiệp (KCN) Thuận Thành III, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 2300623961, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng

12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 10 năm 2014 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh và Giấy chứng nhận đầu tư số 21221.000359 chứng nhận lần đầu ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh. Công ty hoạt động từ năm 2011 trong lĩnh vực gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; tổng diện tích mặt bằng hiện tại là 4.600 m²; số lượng công nhân viên hiện có là 30 người. Sản phẩm chính của Công ty là sản phẩm nhôm thô với công suất thiết kế là 500 tấn/năm, nhôm sơn tĩnh điện với công suất sản xuất thực tế khoảng 200 tấn/năm, công suất thiết kế là 500 tấn/năm; thiết bị, dây chuyền sơn tĩnh điện; sản phẩm đúc ép nhôm với công suất thiết kế là 500 tấn/năm. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty sử dụng nguyên, vật liệu và hóa chất gồm: nhôm thỏi billet, sơn bột tĩnh điện,...; nhiên liệu sử dụng chủ yếu là điện (400.000 kwh/năm); lượng nước sử dụng khoảng 02 m³/ngày.đêm được Công ty mua từ nhà máy nước của KCN.

Công ty đã lập Bản cam kết bảo vệ môi trường cho Dự án “Đầu tư nhà máy chế tạo thiết bị công nghiệp Bình Nam” và được UBND huyện Thuận Thành xác nhận tại Giấy xác nhận số 171/GXN-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2011; đã thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường định kỳ; đã được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH) mã số QLCTNH: 27.000633.T, cấp lần 1 ngày 20 tháng 11 năm 2015; chưa có báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ của chủ nguồn thải gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền từ khi hoạt động đến nay.

Tại thời điểm thanh tra, Công ty không cung cấp được bản cam kết bảo vệ môi trường đã được xác nhận. Công ty đã lắp đặt thêm dây chuyền đúc ép nhôm từ tháng 01 năm 2015, tuy nhiên chưa có thủ tục hành chính về môi trường đối với dây chuyền này.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Về nước thải*: phát sinh chủ yếu từ sinh hoạt khoảng 01 m³/ngày.đêm, được thu gom, xử lý qua bể tự hoại sau đó đầu nối vào cống thu gom nước thải của KCN, nước thải sản xuất phát sinh không đáng kể.

- *Về bụi và khí thải*: phát sinh từ dây chuyền sơn và đúc ép nhôm. Theo báo cáo, Công ty đã có hệ thống thu gom bụi khí thải bằng Cyclon.

- *Về chất thải rắn thông thường*: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 12 kg/ngày được thu gom và ký hợp đồng với đơn vị xử lý trên địa bàn. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chủ yếu là nhôm phế, giấy, bìa carton (50 kg/tháng),... được hợp đồng bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua.

- *Về chất thải nguy hại*: Theo đăng ký, khối lượng CTNH phát sinh trong một năm gồm: găng tay, giẻ lau dính dầu (80 kg), bóng đèn huỳnh quang thải (05 kg), hộp mực in thải (02 kg), dung môi thải (50 kg), bùn thải sau hệ thống xử lý (2.000 kg), bao bì cứng thải bằng kim loại (220 kg), bao bì cứng thải bằng nhựa (150 kg), dầu mỡ bôi trơn tổng hợp thải (150 kg). Công ty đã ký hợp đồng chuyển giao CTNH cho Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư DUJUN vận chuyển đến xử lý tại Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11. Từ khi đi vào hoạt động đến nay, Công ty thực hiện chuyển giao CTNH 01 lần ngày 03/11/2015 với khối lượng là 664 kg, gồm 06 mã CTNH: bùn thải, giẻ lau dính dầu, hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu thải, bao bì cứng thải bằng nhựa. Công ty chưa bố trí khu vực lưu giữ CTNH tạm thời.

- *Về tình hình thực hiện các thủ tục về môi trường*: Công ty đã có Giấy xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường, tuy nhiên chưa cung cấp được quyển Bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo; đã có hợp đồng đầu nối nước thải sinh hoạt với chủ đầu tư

KCN, đã nộp phí xử lý nước thải; đã thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ; đã có Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

- Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường: Công ty đã có biện pháp quản lý nước thải và khí thải; quản lý chất thải rắn thông thường theo quy định; CTNH chưa được phân định, phân loại, xác định đúng số lượng, khối lượng chất thải nguy hại để đăng ký và quản lý theo quy định.

- Các vi phạm và tồn tại:

+ Không phân định, phân loại, xác định đúng số lượng, khối lượng chất thải nguy hại phải đăng ký và quản lý theo quy định (đối với que hàn, xỉ hàn thải); quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

+ Không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định; quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không có bản cam kết bảo vệ môi trường được xác nhận theo quy định, quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

Ngoài ra, Tại thời điểm thanh tra Công ty chưa cung cấp được quyển Bản cam kết bảo vệ môi trường được xác nhận kèm theo Giấy xác nhận và chưa bố trí khu vực lưu giữ CTNH tạm thời đúng theo quy định.

1.19. Công ty TNHH Sungwoo Vina

Công ty TNHH Sungwoo Vina (sau đây viết tắt là Công ty) có địa chỉ tại khu công nghiệp (KCN) Thuận Thành III, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 212043.000249, chứng nhận lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 06 ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh. Công ty hoạt động từ năm 2010 trong lĩnh vực sản xuất linh, phụ kiện điện tử, phụ kiện camera, máy in, phụ kiện môđun bán dẫn và các loại linh kiện điện tử cao cấp khác; tổng diện tích mặt bằng hiện tại là 41.397 m²; số lượng công nhân viên hiện có là 1.000 người. Sản phẩm chính của Công ty là tấm chắn nhiễu cho thiết bị di động và phụ kiện camera điện thoại với công suất sản xuất thực tế khoảng 500 tấn/năm, công suất thiết kế là 1.000 tấn/năm. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty sử dụng nguyên, vật liệu gồm: tấm thép không gỉ (714 tấn/năm), Tape (11.000.000 cái/tháng), các loại linh kiện dùng để lắp ráp camera thành phẩm; hóa chất sử dụng chủ yếu gồm: SC-PA3 (8.000 lít/tháng), IPA (26.000 lít/tháng), filter lọc chứa than hoạt tính xử lý khí thải (40 kg/năm); dầu máy 5118 (40 lít/tháng), dầu đỏ (5 lít/tháng),...; nhiên liệu sử dụng chủ yếu là điện; lượng nước sử dụng khoảng 100 m³/ngày.đêm được Công ty mua từ nhà máy nước của KCN.

Công ty đã lập Đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho Dự án “Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử” và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh phê duyệt tại Quyết định số 278/QĐ-TNMT ngày 05 tháng 12 năm 2014; đã được Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 19/XN-MTg ngày 19 tháng 5 năm 2015 (xác nhận hệ thống xử lý khí thải và công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn); đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án “Sungwoo Vina - mở rộng” và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh phê duyệt tại Quyết định số 85/QĐ-TNMT ngày 27 tháng 8 năm 2015, tuy nhiên chưa cung cấp được Báo cáo ĐTM được phê duyệt (Công ty báo cáo do đang nộp hồ sơ xin cấp phép xây dựng); đã thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường định kỳ; đã được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH) mã số QLCTNH: 27.000216.T, cấp lần 3 ngày 17 tháng 12 năm 2014; đã

lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ của chủ nguồn thải gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Theo báo cáo, Công ty chỉ xây dựng nhà xưởng cho giai đoạn mở rộng, hiện tại đã cho 02 Công ty khác thuê để thực hiện hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, thủ tục môi trường đang do Công ty thực hiện.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Về nước thải*: Phát sinh chủ yếu từ sinh hoạt khoảng 80 m³/ngày.đêm, được thu gom, xử lý qua bể tự hoại sau đó đầu nối vào cống thu gom nước thải của KCN. Hiện tại, Công ty đang xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m³/ngày.đêm xử lý bằng công nghệ sinh học, nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của KCN sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN để tiếp tục xử lý (Công ty cam kết trong đề án bảo vệ môi trường chi tiết sẽ xây dựng hệ thống xử lý nước thải này, tuy nhiên đến thời điểm xác nhận cho đề án Công ty vẫn tiếp tục chưa xây dựng). Dự kiến hệ thống xử lý nước thải đến tháng 12 năm 2015 sẽ hoàn thành.

Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa linh kiện được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng hành nghề quản lý CTNH xử lý.

Tại thời điểm thanh tra, nước tại đường thu gom nước mưa chảy tràn bề mặt của Công ty có 02 điểm đang xả nước ra đường thu gom nước mưa của KCN, tuy nhiên trời không mưa.

Tại thời điểm thanh tra đột xuất các ngày 04/11/2015 và 12/11/2015 cũng ghi nhận nội dung nước từ đường thoát nước mưa của Công ty xả vào đường thu gom nước mưa của KCN khi trời không mưa.

- *Về khí thải*: phát sinh chủ yếu từ phòng sấy và phòng rửa linh kiện. Khí thải phát sinh từ phòng rửa 1 được chụp hút dẫn về buồng hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý sau đó thải ra ngoài môi trường qua ống khói cao khoảng 2m. Khí thải phát sinh từ phòng rửa 2 và phòng sấy được chụp hút dẫn về buồng hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý sau đó thải ra ngoài môi trường qua ống khói cao khoảng 5m. Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn được xử lý bằng máy làm sạch không khí được xử lý chủ yếu bằng hấp phụ than hoạt tính. Theo quy trình vận hành, phin lọc than hoạt tính sẽ được thay thế định kỳ 03 tháng/01lần, tuy nhiên Công ty không cung cấp được hóa đơn mua phin lọc mới cũng như không cung cấp được chứng từ chuyển giao phin lọc được thay thế.

- *Về chất thải rắn thông thường*: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 12 m³/tháng được thu gom và ký hợp đồng với Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Minh Sơn để xử lý. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh gồm: sắt (160 kg/tháng), giấy, bìa carton (1.680 kg/tháng), nhựa (270 kg/tháng),... được hợp đồng bán cho Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Minh Sơn.

- *Về chất thải nguy hại*: Theo đăng ký, Công ty phát sinh 10 mã CTNH trong một năm gồm: dung dịch tẩy rửa có chứa các thành phần nguy hại (36.000 kg), phế thải kim loại có dính dầu mỡ (485.000 kg), vỏ hộp mực in (96 kg), bóng đèn huỳnh quang thải (12 kg), pin ắc quy thải (30 kg), dầu thải (1.320 kg), vỏ thùng kim loại đựng hóa chất (1.800 kg), vỏ thùng nhựa đựng hóa chất (1.900 kg), găng tay, giẻ lau dính dầu (1.500 kg), thiết bị điện tử thải (30 kg). Công ty đã ký hợp đồng chuyển giao CTNH cho Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Minh Sơn vận chuyển đến Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11 để xử lý. Theo báo cáo, năm 2014, Công ty đã chuyển giao 09 mã CTNH với tổng khối lượng là 518.876 kg gồm: dung dịch tẩy rửa có chứa các thành phần nguy hại, phế thải kim loại

có dính dầu mỡ, vỏ hộp mực in, bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy thải, dầu thải, vỏ thùng kim loại đựng hóa chất, găng tay, giẻ lau dính dầu, thiết bị điện tử thải. Trong 6 tháng đầu năm 2015 đã chuyển giao 10 mã CTNH với tổng khối lượng là 200.552,5 kg.

Qua kiểm tra thực tế cho thấy: CTNH chuyển giao đã được quản lý theo bộ chứng từ CTNH do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định; Công ty đã bố trí khu vực lưu giữ CTNH tạm thời, tuy nhiên khu vực lưu giữ CTNH chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chưa bố trí khu lưu giữ cho các loại CTNH khác nhau, CTNH có tên, không đầy đủ mã và biển báo dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa theo quy định, thiết bị lưu chứa CTNH chưa đáp ứng yêu cầu, CTNH cùng loại được lưu chứa trong các thiết bị ghi tên khác nhau; lõi lọc phát sinh chưa được đăng ký quản lý; CTNH chưa được phân loại, thu gom triệt để vào khu lưu giữ, còn để lẫn với nhau và để ngoài trời trước khu vực lưu giữ CTNH, chất thải thông thường và kho chứa hóa chất (vỏ hộp, thùng sơn thải, vật liệu dính dầu mỡ thải, vỏ hộp nhựa dính hóa chất thải, can nhựa chứa hóa chất thải và một số chất thải khác).

Theo báo cáo của Công ty, than hoạt tính thải để xử lý khí thải được thay định kỳ 03 tháng/lần (khối lượng khoảng 10 kg/lần) và được chuyển trả lại cho nhà cung cấp. Bộ lọc dầu của máy nén khí định kỳ thay 01 lần/năm được đơn vị thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa máy nén khí thu gom.

- *Kết quả đo đạc và phân tích mẫu môi trường:*

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước thải tại điểm đầu nổi nước mưa chảy tràn của Công ty với KCN, so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT cột A có các thông số $S^{2-} = 0,56$ mg/l vượt 2,8 lần; $NH_4^+_N = 12,18$ mg/l vượt 2,4 lần; Coliform = 4300 Vi khuẩn/100ml vượt 1,4 lần quy chuẩn cho phép.

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước lấy tại hố ga thu gom nước mưa của Công ty (mẫu lấy ngày 20/11/2015), so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT cột A có các thông số COD = 600 mg/l, vượt 8 lần; $BOD_5 = 221$ mg/l vượt 7,4 lần; TSS = 129 mg/l vượt 2,6 lần; $S^{2-} = 3,63$ mg/l vượt 18,2 lần; Tổng N = 46,14 mg/l vượt 2,3 lần; $NH_4^+_N = 37,4$ mg/l vượt 7,4 lần; Coliform = 9.000 Vi khuẩn/100ml vượt 3 lần quy chuẩn cho phép.

- *Về tình hình thực hiện các thủ tục về môi trường:* Công ty đã có Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và báo cáo ĐTM được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; đã thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ; đã có hợp đồng đầu nổi nước thải với chủ đầu tư KCN; đã có Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH và lập báo cáo quản lý CTNH định kỳ.

- *Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường:* Công ty đã thực hiện đúng quy định về quản lý chất thải rắn thông thường, đã có biện pháp quản lý khí thải; tuy nhiên quản lý CTNH và nước thải chưa đúng theo quy định.

- *Các vi phạm:*

+ Thực hiện không đúng một trong các nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt (chưa xây dựng hoàn thành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt theo cam kết trong đề án bảo vệ môi trường và giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết), quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 11 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Nghị định số 179/2013/NĐ-CP);

+ Thực hiện không đúng một trong các nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt (để nước thải chảy vào đường thoát nước mưa của KCN, đầu nổi

không triệt để nước mưa và nước thải với KCN), quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 11 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

+ Thực hiện không đúng một trong các nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt (Vận hành không đúng quy trình đối với hệ thống xử lý khí thải), quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 11 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

+ Không phân định, phân loại, xác định đúng số lượng, khối lượng chất thải nguy hại phải đăng ký và quản lý theo quy định (đối với que hàn, xỉ hàn thải), quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, quy định tại Điểm d, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không đóng gói, bảo quản chất thải nguy hại theo chủng loại trong các bao bì chuyên dụng hoặc thiết bị lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, quy định tại Điểm c, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không thu gom triệt để chất thải nguy hại vào khu vực lưu giữ tạm thời theo quy định, quy định tại Điểm đ, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

1.20. Công ty TNHH Bao bì Hà Anh Bắc Ninh

Công ty TNHH Bao bì Hà Anh Bắc Ninh (sau đây viết tắt là Công ty) có địa chỉ tại khu công nghiệp (KCN) Thuận Thành III, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300626257 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh và Giấy chứng nhận đầu tư số 21221.000523, chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2013, chứng nhận thay đổi lần thứ 10 ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh. Công ty hoạt động từ năm 2013 với ngành nghề sản xuất là sản xuất bao bì carton; diện tích mặt bằng là 9.900 m²; số lượng công nhân viên hiện có là 27 người. Sản phẩm chính của Công ty là bao bì carton với công suất sản xuất thực tế khoảng 940 tấn/năm, công suất thiết kế là 3.000 tấn sản phẩm/năm. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty sử dụng nguyên liệu là giấy cuộn (160 tấn/tháng), bột sắn (03 tấn/tháng), keo dán (10kg), băng dính (25 cuộn); hóa chất sử dụng gồm: NaOH (80 kg/tháng), mực in (200 kg/tháng), phèn chua để phục vụ hệ thống xử lý nước thải mực in (200kg/năm); dầu mỡ bôi trơn khoảng 3kg/năm; nhiên liệu sử dụng chủ yếu là than đá (10 tấn/tháng), điện (tương đương 30 triệu đồng/1tháng); lượng nước sử dụng cho sinh hoạt và pha mực in khoảng 46 m³/tháng được Công ty mua từ nhà máy nước của KCN.

Công ty đã lập Bản cam kết bảo vệ môi trường cho Dự án “Nhà máy sản xuất bao bì Hà Anh Bắc Ninh” và được UBND huyện Thuận Thành xác nhận tại Giấy xác nhận số 333/GXN-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2013; theo báo cáo, Công ty đã thực hiện chương trình giám sát môi trường 01 lần. Ngoài ra, Công ty chưa cung cấp được các hồ sơ, thủ tục hành chính về môi trường khác. Công ty có mua mới 01 máy in mới để sử dụng từ tháng 3 năm 2015.

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải và đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

- *Về nước thải:* Theo báo cáo của Công ty, nước thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động rửa chân tay, vệ sinh của cán bộ công nhân viên được xử lý qua bể tự hoại sau đó thải vào cống thoát nước mưa của KCN; nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình xử lý khí thải lò hơi và nước thải mực in. Đối với nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải lò hơi được thu gom và xử lý qua thiết bị lắng lọc cặn; nước thải mực in được thu

gom vào bể chứa có thể tích khoảng 3m³ được bơm phèn để lắng, qua 03 cấp, nước thải sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN, phần cặn lắng định kỳ 6 tháng/lần được nạo vét và phơi khô sau đó đem đốt tại lò hơi đốt bằng than của Công ty. Theo Bản cam kết bảo vệ môi trường được xác nhận, Công ty cam kết nước thải mục in, nước thải của quá trình xử lý khí thải có chứa thành phần nguy hại được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng hành nghề quản lý CTNH; nước thải sinh hoạt phải được xử lý qua bể tự hoại sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN.

Tại thời điểm thanh tra, nước từ đường thu gom nước mưa chảy tràn bề mặt của Công ty đang có nước chảy vào đường thu gom nước mưa của KCN, tuy nhiên trời không mưa. Theo báo cáo của Công ty, nước chảy từ hệ thống lò hơi và nước rửa chân tay của cán bộ công nhân viên.

Tại thời điểm thanh tra đột xuất ngày 13/11/2015, trời mưa khá to, nước tại đường thu gom nước thải của Công ty tràn ra cống thoát nước mưa của KCN (nước có màu đỏ đục). Theo báo cáo do bể chứa nước thải bị rò rỉ.

- *Về bụi và khí thải:* phát sinh từ lò hơi đốt than được xử lý bằng lọc bụi ướt sau đó thải ra ngoài môi trường qua ống khói cao khoảng 20m. Theo nội dung Bản cam kết bảo vệ môi trường được xác nhận, Công ty cam kết xử lý khí thải bằng lọc bụi ướt sau đó qua ngăn hấp thụ sử dụng NaOH loãng và thải ra ngoài môi trường qua ống khói cao 15m. Bụi phát sinh từ quá trình cắt sản phẩm được Công ty giảm thiểu bằng cách lắp đặt các quạt thông gió trong nhà xưởng. Cặn lắng từ hệ thống xử lý khí thải được Công ty nạo vét và bón cây.

- *Về chất thải rắn thông thường:* phát sinh chủ yếu là giấy vụn, phế phẩm được thu gom và bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua phế liệu. Công ty báo cáo không phát sinh chất thải rắn sinh hoạt. Xi than được cho các cá nhân có nhu cầu làm vật liệu xây dựng.

- *Về chất thải nguy hại:* Theo báo cáo của Công ty, CTNH phát sinh ít, chủ yếu là giẻ lau dính thành phần nguy hại (60 kg/năm); bao bì mềm chứa NaOH thải (10 kg/năm); vỏ thùng nhựa đựng mực in (200 kg/tháng),... Đối với giẻ lau dính thành phần nguy hại được thu gom đem đốt tại lò hơi của Công ty; bao bì mềm chứa NaOH thải được đem bán phế liệu; vỏ thùng nhựa đựng mực in được bán lại cho nhà cung cấp. Công ty chưa có báo cáo quản lý CTNH định kỳ của chủ nguồn thải, chưa ký hợp đồng và chuyển giao CTNH cho đơn vị có chức năng hành nghề quản lý CTNH theo quy định. Công ty chưa bố trí khu lưu giữ tạm thời CTNH. Công ty có 01 xe tải và 01 xe nâng. Các bản in có dính mực được Công ty lưu giữ hoặc trả lại cho khách hàng.

- *Kết quả đo đạc và phân tích mẫu môi trường:*

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước thải tại điểm đầu nối nước thải với KCN (mẫu lấy ngày 19/11/2015), so sánh với Tiêu chuẩn đầu nối KCN Thuận Thành III có các thông số pH = 9,4 vượt 1,04 lần; Màu 80 Co - pt vượt 1,6 lần; COD = 206 mg/l, vượt 2,6 lần; BOD₅ = 74,8 mg/l vượt 1,5 lần; Tổng N = 136,8 mg/l vượt 4,6 lần; NH₄⁺-N = 125,63 mg/l vượt 12,6 lần; Coliform = 11.000 MPN/100ml vượt 2,2 lần quy chuẩn cho phép.

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước thải tại bể lắng số 3 của hệ thống xử lý nước thải (mẫu lấy ngày 19/11/2015), so sánh với Tiêu chuẩn đầu nối KCN Thuận Thành III có các thông số Màu 85 Co - pt vượt 1,7 lần; COD = 960 mg/l, vượt 12,8 lần; BOD₅ = 351 mg/l vượt 7 lần; TSS = 125 mg/l vượt 1,3 lần; Coliform = 9300 MPN/100ml vượt 1,9 lần quy chuẩn cho phép.

+ Kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước thải tại điểm đầu nổi nước mưa chảy tràn của Công ty với chủ đầu tư hạ tầng KCN (mẫu lấy ngày 19/11/2015), so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT cột A có các thông số Màu 85 Co - pt vượt 1,7 lần; COD = 364 mg/l, vượt 4,9 lần; BOD₅ = 141 mg/l vượt 4,7 lần; TSS = 281 mg/l vượt 5,6 lần; Fe = 2,87 mg/l vượt 2,9 lần; Tổng N = 28,94 mg/l vượt 1,4 lần; NH₄⁺ - N = 12,1 mg/l vượt 2,4 lần; Coliform = 11.000 Vi khuẩn/100ml vượt 3,7 lần quy chuẩn cho phép.

- *Về tình hình thực hiện các thủ tục về môi trường:* Tại thời điểm thanh tra, Công ty đã có Bản cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận; đã thực hiện chương trình giám sát môi trường 01 lần; đã có hợp đồng đầu nổi nước thải với chủ đầu tư KCN, đã nộp phí xử lý nước thải khối lượng tính bằng 80% nước cấp cho chủ đầu tư KCN; tuy nhiên Công ty chưa cung cấp được các hồ sơ, thủ tục hành chính về môi trường khác.

- *Về tình hình quản lý và xử lý chất thải, bảo vệ môi trường:* Công ty đã thực hiện đúng quy định về quản lý chất thải rắn thông thường; tuy nhiên quản lý CTNH không đúng quy định; đã có biện pháp xử lý nước thải, khí thải trước khi thải ra môi trường.

- *Các vi phạm và tồn tại:*

+ Thực hiện không đúng, không đầy đủ một trong các nội dung cam kết bảo vệ môi trường đã được xác nhận (nước thải mục in, nước thải của quá trình xử lý khí thải có chứa thành phần nguy hại được Công ty tự xử lý và đầu nổi vào cống thu gom nước thải của KCN, không chuyển giao cho đơn vị có chức năng hành nghề quản lý CTNH; nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại, nước rửa chân tay và nước hồi hơi được thải vào hệ thống thu gom nước mưa của KCN; lắp đặt thêm 01 máy in mới không có trong cam kết); quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 8 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Nghị định số 179/2013/NĐ-CP) (Mức xử phạt từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng);

+ Vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý môi trường theo quy định, quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 8 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Gây sự cố chảy tràn nước thải vào đường thu gom nước mưa của KCN, quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 36 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định; quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, quy định tại Điểm d, Khoản 5, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Tự xử lý chất thải nguy hại khi không có công trình xử lý phù hợp và không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, quy định tại Điểm b, Khoản 8, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP;

+ Chuyển giao, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có Giấy phép quản lý chất thải nguy hại dưới 600 kg đối với chất thải nguy hại có chứa các thành phần nguy hại khác, quy định tại Điểm a, Khoản 7, Điều 21 của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết các cơ sở chưa có hiểu biết cần thiết để thực hiện công tác bảo vệ môi trường, còn có nhiều vi phạm, tồn tại được xác định chi tiết trong các nội dung nêu trên.

Một số quy định về hành vi vi phạm còn rộng, chưa có tính răn đe đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm có mức độ nghiêm trọng, khối lượng xả thải lớn và chưa hợp lý đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm ở mức độ ít nghiêm trọng, chưa đảm bảo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, chưa đảm bảo công bằng trong quá trình xử phạt.

Đối với hành vi xả nước thải: các khoảng chia vượt quy chuẩn cho phép mặc dù đã chi tiết hóa so với các Nghị định trước đây nhưng vẫn còn rộng (gồm: dưới 2 lần, từ 2 đến dưới 5 lần, từ 5 đến dưới 10 lần và trên 10 lần). Các khoảng chia lưu lượng nguồn thải rộng, chưa phù hợp thực tế và công bằng trong xử phạt, đặc biệt lưu lượng nước thải của một nguồn thải lớn thường giao động từ 4.000-6000 m³/ngày, hầu như chưa có nguồn thải nào có lưu lượng khoảng 10.000 m³/ngày.

Tại Điểm b, Khoản 1 Điều 9 của Dự thảo quy định xử phạt đối với hành vi “không nghiên cứu, tiếp thu những ý kiến khách quan, kiến nghị hợp lý của các đối tượng liên quan được tham vấn để hạn chế thấp nhất tác động bất lợi của dự án đến môi trường tự nhiên, đa dạng sinh học và sức khỏe cộng đồng”. Tuy nhiên, việc xử lý hành vi này là không cần thiết. Cơ quan có thẩm quyền không có cơ sở để khẳng định một ý kiến là “hợp lý” và “khách quan” để tiến hành xử phạt. Nếu chủ dự án không tiếp thu, nhưng đã thể hiện đầy đủ, trung thực các ý kiến góp ý trong báo cáo ĐTM thì đã hoàn thành nghĩa vụ. Nếu cần thiết, hội đồng thẩm định sẽ yêu cầu chủ dự án tiếp thu các ý kiến này thì báo cáo mới được phê duyệt...

Trên đây là báo cáo chuyên công tác khảo sát xây dựng Nghị định thay thế Nghị định 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại tỉnh Bắc Ninh và thành phố Hồ Chí Minh./.

CHUYÊN GIA

Nơi nhận:

- Dự án MUTRAP;
- Cục KSMT;
- Nhóm chuyên gia.

Phạm Ngọc Hồ